

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
3. Tìm hiểu một số nghề thuộc ngành Năng lượng, Bưu chính - Viễn thông, Công nghệ thông tin	Kiến thức - Biết được vị trí xã hội, tầm quan trọng, đặc điểm, yêu cầu, nơi đào tạo nghề, triển vọng phát triển, nhu cầu lao động của một số nghề thuộc ngành Năng lượng, Bưu chính - Viễn thông, Công nghệ thông tin. - Trình bày được cách tìm hiểu thông tin nghề và cơ sở đào tạo. Kỹ năng - Tìm hiểu được thông tin một nghề hoặc chuyên môn thuộc các lĩnh vực này. - Liên hệ với bản thân để chọn nghề. Thái độ Hứng thú tìm hiểu nghề và cơ sở đào tạo.	- Học sinh tìm hiểu thông tin của một nghề thuộc ngành Năng lượng, Bưu chính - Viễn thông, Công nghệ thông tin. - Có thể thay bằng nghề khác cho phù hợp. - Yêu cầu viết được bản mô tả nghề.
4. Tìm hiểu một số nghề thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng	Kiến thức - Biết được vị trí, tầm quan trọng, đặc điểm, yêu cầu, quyền lợi và nghĩa vụ của một số nghề thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng. - Trình bày được cách tìm hiểu thông tin nghề. Kỹ năng - Tìm hiểu được thông tin một nghề hoặc chuyên môn thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng. - Liên hệ với bản thân để chọn nghề. Thái độ Có ý thức sẵn sàng hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng.	- Cho học sinh thực hành tìm hiểu thông tin nghề. Có thể thay bằng nghề khác cho phù hợp. - Yêu cầu viết được bản mô tả nghề.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
5. Giao lưu với những gương vượt khó, điển hình về sản xuất, kinh doanh giỏi	Kiến thức Nêu được các con đường, hình thức học tập sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông để đạt được ước mơ của mình. Kĩ năng Viết được bản thu hoạch về nhận thức ý nghĩa, vị trí, sự vinh quang của một nghề nào đó trong xã hội và cảm xúc cá nhân sau giao lưu. Thái độ Tích cực tham gia thảo luận theo chủ đề.	- Chủ đề: Làm gì sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông? - Hiểu được ý nghĩa: "Lao động ở bất cứ nghề nào, cương vị nào cũng đều vinh quang và được tôn trọng nếu là người lao động giỏi chuyên môn và làm việc hết mình".
6. Nghề nghiệp với nhu cầu của thị trường lao động	Kiến thức - Biết được lí do tại sao khi chọn nghề phải quan tâm đến yêu cầu xã hội. - Biết được đặc điểm, nhu cầu của thị trường lao động nông thôn và thành phố trong nền kinh tế thị trường để chọn nghề phù hợp. Kĩ năng Tìm hiểu được một số thông tin về nhu cầu của thị trường lao động của địa phương và cả nước. Thái độ Tích cực tìm hiểu nhu cầu thị trường lao động để định hướng nghề nghiệp tương lai.	- Chú trọng tới đặc điểm, nhu cầu của thị trường lao động địa phương. - Yêu cầu viết được báo cáo thu hoạch.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
7. Tôi muốn đạt được ước mơ	Kiến thức - Phân tích được những khó khăn, hạn chế của cá nhân để nỗ lực phấn đấu, rèn luyện nhằm đạt được ước mơ nghề nghiệp. - Nêu được những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn nghề. Kỹ năng Điều chỉnh được bản "Kế hoạch nghề nghiệp tương lai" cho phù hợp với hứng thú cá nhân, năng lực bản thân và yêu cầu xã hội. Thái độ Tin tưởng vào sự nỗ lực của bản thân để đạt được ước mơ nghề nghiệp.	- Các nhân tố ảnh hưởng tới việc chọn nghề: lời khuyên của cha, mẹ, thầy, cô giáo, bạn bè, xã hội, phương tiện thông tin đại chúng... - Trọng tâm là ước mơ nghề nghiệp và kế hoạch thực hiện.
8. Tìm hiểu thực tế một trường Đại học (hoặc Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, Dạy nghề) tại địa phương	Kiến thức Biết được yêu cầu tuyển sinh, điều kiện học tập của một trường Đại học (hoặc Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, Dạy nghề) tại địa phương. Kỹ năng Viết được bản thu hoạch về trường. Thái độ Tích cực lựa chọn nghề và trường học phù hợp với bản thân sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông.	Có thể cho học sinh tham quan, xem băng hình... hoặc các trường tự giới thiệu về mình.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương	Kiến thức Biết được một số thông tin cơ bản về định hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu thị trường lao động của địa phương và đất nước. Kĩ năng Tìm hiểu được một số thông tin cơ bản về nhu cầu thị trường lao động trong nước và địa phương. Thái độ Định hướng chọn những nghề có nhu cầu nhân lực.	
2. Những điều kiện để thành đạt trong nghề	Kiến thức Phân tích được những điều kiện cần thiết để thành đạt trong nghề. Kĩ năng - Xác định được hướng học tập hoặc lao động cho bản thân sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông. - Xây dựng được kế hoạch học tập, tu dưỡng để có thể thành đạt trong nghề. Thái độ Tích cực học tập, tu dưỡng để thực hiện ước mơ nghề nghiệp của mình.	- Là bước chuẩn bị cho việc quyết định chọn nghề. - Tiếp tục xem xét, điều chỉnh bản "Kế hoạch nghề nghiệp tương lai".

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
3. Tìm hiểu hệ thống đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp và Dạy nghề của Trung ương và địa phương	Kiến thức - Nêu được những hiểu biết về hệ thống trường Trung cấp chuyên nghiệp và Dạy nghề. - Nêu được cách tìm những thông tin cơ sở đào tạo cần thiết. Kĩ năng Tìm được thông tin cần thiết và liên hệ với bản thân để chọn trường học sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông. Thái độ Tích cực chọn ngành, chọn trường học sao cho phù hợp với năng lực bản thân, điều kiện gia đình và nhu cầu nhân lực của xã hội.	Trọng tâm là phương pháp tìm hiểu thông tin về cơ sở đào tạo.
4. Tìm hiểu hệ thống đào tạo Đại học và Cao đẳng	Kiến thức - Nêu được những hiểu biết về hệ thống đào tạo Đại học và Cao đẳng. - Biết được cách tìm thông tin về cơ sở đào tạo Đại học, Cao đẳng cần thiết cho bản thân. Kĩ năng Tìm được những thông tin cần thiết và liên hệ với bản thân để chọn trường học cho phù hợp. Thái độ Tích cực chọn ngành, chọn trường học sao cho phù hợp với năng lực bản thân, điều kiện gia đình và nhu cầu nhân lực của xã hội.	Trọng tâm là phương pháp tìm hiểu thông tin về cơ sở đào tạo.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
5. Tư vấn chọn nghề	Kiến thức - Biết được ý nghĩa và sự cần thiết của tư vấn trước khi chọn nghề. - Biết cách thực hiện các bước của quy trình tư vấn chọn nghề. Kĩ năng Lắng nghe, phân tích, chọn lọc được các ý kiến tư vấn để chọn được nghề phù hợp với năng lực bản thân và nhu cầu xã hội. Thái độ - Không chọn nghề theo cảm tính và dư luận xã hội. - Có ý thức lắng nghe và chọn lọc ý kiến người khác để chọn nghề phù hợp.	
6. Hướng dẫn học sinh chọn nghề và làm hồ sơ tuyển sinh	Kiến thức Biết được những thông tin cần thiết về quy chế tuyển sinh. Kĩ năng - Chọn được nghề phù hợp. - Làm hồ sơ tuyển sinh đúng yêu cầu, chính xác, đúng thời hạn. Thái độ Thận trọng khi chọn ngành và chọn trường khi làm hồ sơ tuyển sinh.	
7. Thanh niên lập thân, lập nghiệp	Kiến thức Nêu được những phẩm chất và điều kiện cần thiết để lập thân, lập nghiệp của thanh niên trong giai đoạn hiện nay.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng Trao đổi, thảo luận và liên hệ được với bản thân để chuẩn bị lập thân, lập nghiệp. Thái độ Có ý thức thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng để sẵn sàng cho việc lập thân, lập nghiệp và lao động ở bất cứ vị trí công tác nào trong xã hội.	
8. Tổ chức tham quan hoặc hoạt động giao lưu theo chủ đề hướng nghiệp	Kiến thức Có thêm được hiểu biết và kinh nghiệm về lựa chọn nghề nghiệp. Kĩ năng Tự bổ sung được những hiểu biết mới về lựa chọn nghề nghiệp. Thái độ Tích cực chuẩn bị và chủ động tham gia các hoạt động giao lưu, văn hóa về chủ đề hướng nghiệp.	

IV. GIẢI THÍCH - HƯỚNG DẪN

1. Quan điểm xây dựng và phát triển chương trình

- Chương trình hoạt động Giáo dục hướng nghiệp được xây dựng trên quan điểm *đổi mới* giáo dục cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và *kế thừa* những ưu điểm của chương trình “Sinh hoạt hướng nghiệp” trước đây.

- Nội dung chương trình được xây dựng theo quan điểm *chủ đề* để học sinh chủ động tìm hiểu một số thông tin cơ bản về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước; về thị trường lao động; về thế giới nghề nghiệp và

những cơ sở đào tạo. Ngoài ra, các em còn tự đánh giá năng lực bản thân, truyền thống nghề nghiệp và hoàn cảnh gia đình để lựa chọn nghề phù hợp.

- Với vị trí là một *hoạt động giáo dục* trong trường phổ thông, các *chủ đề hướng nghiệp* được xây dựng trên quan điểm hướng tới các *hoạt động học tập đa dạng của học sinh* như điều tra, xử lý thông tin; trao đổi; thảo luận; giải quyết tình huống, tham quan,... Tham gia các hoạt động này, học sinh sẽ yêu thích và biết cách tìm kiếm những thông tin cần thiết cho bản thân về nghề nghiệp, cơ sở đào tạo để có thể chủ động lựa chọn nghề nghiệp tương lai.

2. Về phương pháp tổ chức hoạt động Giáo dục hướng nghiệp

Giáo dục hướng nghiệp là một hoạt động giáo dục trong trường phổ thông có những đặc thù riêng về phương pháp tổ chức. Các phương pháp này thể hiện vai trò học sinh là *chủ thể của hành động chọn nghề*, đem lại cho học sinh *kinh nghiệm tìm hiểu thông tin nghề*, củng cố các quan điểm lao động, định hướng giá trị nghề nghiệp, hình thành động cơ đúng đắn trong việc lựa chọn nghề.

Khi vận dụng các phương pháp tổ chức hoạt động Giáo dục hướng nghiệp, cần lưu ý một số vấn đề sau:

a) *Coi trọng tính giáo dục của công tác hướng nghiệp*

Giáo dục hướng nghiệp về cơ bản là quá trình giáo dục *điều chỉnh liên tục động cơ chọn nghề* của học sinh, giúp học sinh lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở những nghề xã hội đang có nhu cầu nhân lực. Nói cách khác, giáo dục hướng nghiệp cần định hướng quá trình hình thành hứng thú và năng lực nghề nghiệp của học sinh vào những nghề mà xã hội cần phát triển.

Vì vậy, trong giáo dục hướng nghiệp, giáo viên phải nắm vững xu thế phát triển nghề trong xã hội hiện nay, đặc biệt là những nghề ở địa phương để tư vấn chọn nghề cho học sinh.

b) *Quan triệt quan điểm hoạt động trong tổ chức hoạt động Giáo dục hướng nghiệp nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh*

Để phát huy tính chủ động, năng động và sáng tạo của học sinh, hoạt động Giáo dục hướng nghiệp được tổ chức theo

quy mô lớp và nhóm nhỏ. Trong đó, giáo viên đóng vai trò cố vấn, xác định mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức; học sinh đóng vai trò chủ thể, tổ chức hoạt động và tự đánh giá. Qua đó, học sinh năng động, tích cực hoạt động xã hội, có kinh nghiệm, hứng thú tìm hiểu thông tin nghề và cơ sở đào tạo để tự định hướng được nghề nghiệp tương lai.

Các buổi giáo dục hướng nghiệp cần tăng cường những hoạt động đa dạng của học sinh như điều tra, thu thập thông tin nghề và cơ sở đào tạo; thảo luận lớp và nhóm về các chủ đề hướng nghiệp; giao lưu với những gương điển hình; trao đổi với cha, mẹ học sinh; tham quan những cơ sở sản xuất và đào tạo; các trò chơi, diễn kịch,... Ngoài ra, giáo viên có thể lựa chọn những hình thức hoạt động khác để làm cho giờ học thêm đa dạng và hấp dẫn.

Các loại hình nghề nghiệp ngày càng đa dạng, trong khi thời lượng cho hoạt động Giáo dục hướng nghiệp chỉ có hạn, nên phương pháp giáo dục hướng nghiệp cần chú trọng hình thành cho học sinh kỹ năng *tìm hiểu nghề và tự xác định được nghề tương lai*.

c) Giáo dục học sinh tạo ra sự phù hợp nghề trên cơ sở tự rèn luyện, tu dưỡng và tự học

Qua giáo dục hướng nghiệp, giáo viên cần chứng minh cho học sinh thấy được sự phù hợp nghề không phải tự nhiên mà có, không phải là yếu tố bất biến. Thông qua rèn luyện, tu dưỡng, sự phù hợp nghề sẽ được hình thành.

Vì vậy, giáo dục hướng nghiệp phải hết sức chú trọng đến việc động viên, khuyến khích học sinh tu dưỡng, rèn luyện vươn lên để tạo ra sự phù hợp nghề.

d) Gắn các buổi giáo dục hướng nghiệp với thực tiễn sản xuất

Trong chương trình Giáo dục hướng nghiệp có một số chủ đề tham quan cơ sở sản xuất, cơ sở đào tạo, giao lưu với các gương lao động giỏi,... Đây là những hoạt động giúp cho học sinh có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với con người, điều kiện làm việc,... Qua đó, các em sẽ có được những ấn tượng cụ thể, thực tế về nghề.

3. Về đánh giá kết quả học tập của học sinh

Đánh giá kết quả học tập của học sinh trong hoạt động Giáo dục hướng nghiệp được thực hiện theo các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng và thái độ.

a) Kiến thức

Đánh giá mức độ hiểu biết về nội dung các chủ đề hướng nghiệp bằng những phương pháp sau:

- Viết thu hoạch sau khi tham gia buổi hoạt động Giáo dục hướng nghiệp.
- Quan sát, trao đổi với học sinh về các chủ đề hướng nghiệp.
- Qua các sản phẩm hoạt động của học sinh như bài kiểm tra, phiếu trắc nghiệm, phiếu điều tra nghề, bản thu hoạch,...

Hình thức đánh giá có thể được thực hiện theo nhóm, lớp, đánh giá của giáo viên, đánh giá của học sinh và tự đánh giá của bản thân.

b) Kỹ năng

Đánh giá mức độ thành thạo của việc tìm hiểu thông tin nghề, thông tin cơ sở đào tạo; về tự đánh giá bản thân; về khả năng lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch định hướng nghề nghiệp tương lai.

c) Thái độ

- Đánh giá mức độ tham gia đầy đủ và tích cực các hoạt động Giáo dục hướng nghiệp.
- Đánh giá ý thức chủ động trong việc tự định hướng nghề nghiệp cho bản thân.
- Đánh giá thái độ qua quan sát quá trình tham gia hoạt động của học sinh, qua vấn đáp để biết được tinh thần, thái độ, ý thức tham gia hoạt động Giáo dục hướng nghiệp của cá nhân và tập thể học sinh.

Kết quả tham gia hoạt động Giáo dục hướng nghiệp của học sinh được thể hiện qua “Phiếu hướng nghiệp”. Nội dung của phiếu được xây dựng để theo dõi quá trình tham gia hoạt động Giáo dục hướng nghiệp của các em, có kết hợp với ý kiến của gia đình và nhà trường, được dùng làm cơ sở cho tư vấn hướng nghiệp.

4. Về điều kiện thực hiện

- Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh được thực hiện chủ yếu tại các trường Trung học phổ thông và các Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp. Đội ngũ giáo viên hướng nghiệp gồm:

+ Giáo viên chủ nhiệm lớp và những giáo viên có năng lực tổ chức hoạt động Giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông.

+ Giáo viên trong các Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp.

- Về cơ sở vật chất cần có:

+ Sách giáo viên.

+ Tài liệu tham khảo, nguồn thông tin, tư liệu cho nội dung hoạt động Giáo dục hướng nghiệp cần được bổ sung thường xuyên.

+ Phương tiện, thiết bị, công cụ cần thiết cho tư vấn chọn nghề.

+ Phương tiện nghe, nhìn.

- Ngoài ra, cần có sự hỗ trợ của các nguồn lực ngoài nhà trường cho hoạt động Giáo dục hướng nghiệp như cha, mẹ học sinh, các cơ quan, đoàn thể, tổ chức xã hội, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các cơ quan thông tin đại chúng.

5. Về việc vận dụng chương trình theo vùng miền và các đối tượng học sinh

Tùy theo đặc điểm kinh tế - xã hội của từng vùng, miền, địa phương và đối tượng học sinh, giáo viên có thể lựa chọn, bổ sung nội dung từng chủ đề cho phù hợp.

Với những chủ đề tìm hiểu thông tin nghề, giáo viên có thể chọn những nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương để cho học sinh thực hành thu thập thông tin theo cấu trúc bản mô tả nghề.

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ PHỔ THÔNG



Số 33 ngày 12 - 8 - 2006
Số 34 ngày 12 - 8 - 2006

09835291
CỘNG BẢO
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

I. MỤC TIÊU

Hoạt động giáo dục nghề phổ thông ở Trung học phổ thông nhằm giúp học sinh:

1. Về kiến thức

Hiểu được một số kiến thức cơ bản về công cụ, kĩ thuật, quy trình công nghệ và về an toàn lao động, vệ sinh môi trường đối với một nghề phổ thông đã học. Biết những đặc điểm và yêu cầu của nghề đó.

2. Về kĩ năng

Có một số kĩ năng sử dụng công cụ, thực hành kĩ thuật theo quy trình công nghệ để làm ra sản phẩm đơn giản theo yêu cầu của mỗi nghề. Hình thành và phát triển kĩ năng vận dụng những kiến thức đã có vào thực tiễn.

3. Về thái độ

Phát triển hứng thú kĩ thuật và khả năng vận dụng vào hoàn cảnh mới, thói quen làm việc có kế hoạch, bước đầu có tác phong công nghiệp, làm việc theo quy trình và an toàn lao động, vệ sinh môi trường. Có ý thức trong việc tìm hiểu nghề và lựa chọn nghề nghiệp.

II. NỘI DUNG

1. Kế hoạch dạy học

Số tiết/cấp	Lớp	Số tiết/lớp	Số tiết/tuần
105	11	105	3

LÀM VƯỜN

105 tiết

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG
1. Mở đầu	- Giới thiệu vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Các biện pháp bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong nghề.
2. Thiết kế, cải tạo vườn	- Thiết kế vườn: khái niệm, ý nghĩa, yêu cầu nội dung thiết kế vườn. - Giới thiệu một số mô hình vườn. - Cải tạo tu bổ vườn tạp: nguyên nhân hình thành vườn tạp, hướng tu bổ, cải tạo vườn tạp.
3. Vườn ươm và phương pháp nhân giống cây trong vườn	- Vườn ươm cây giống. - Các phương pháp nhân giống cây trong vườn.
4. Kỹ thuật trồng một số cây phổ biến trong vườn	- Kỹ thuật trồng cây ăn quả. - Kỹ thuật trồng hoa, cây cảnh. - Kỹ thuật trồng rau (hoặc cây dược liệu có ở địa phương).
5. Chất điều tiết sinh trưởng và chế phẩm sinh học trong nghề làm vườn	- Khái niệm chung. - Ứng dụng chất điều tiết sinh trưởng, chế phẩm sinh học.
6. Bảo quản, chế biến sản phẩm rau, hoa, quả	- Những vấn đề chung. - Một số phương pháp bảo quản, sơ chế, chế biến rau, hoa, quả.
7. Tìm hiểu nghề làm vườn	- Đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Thông tin về thị trường lao động của nghề. - Vấn đề đào tạo nghề.

NUÔI CÁ

105 tiết

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG
1. Mở đầu	- Giới thiệu vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Các biện pháp bảo đảm an toàn lao động trong nghề.
2. Một số cơ sở khoa học trong nuôi cá	- Đặc điểm môi trường sống của cá. - Đặc điểm sinh học của một số cá nuôi chủ yếu. - Thức ăn và phân bón dùng trong nuôi cá.
3. Sản xuất cá con	- Những vấn đề chung về sản xuất cá con. - Một số kỹ thuật ương nuôi cá con. - Vận chuyển cá con. - Làm một số khâu của quy trình sản xuất cá con.
4. Nuôi cá thương phẩm	- Nuôi cá nước tĩnh. - Nuôi cá nước chảy. - Làm một số khâu của quy trình nuôi cá thương phẩm.
5. Phòng chống một số bệnh thường gặp cho cá	- Các biện pháp phòng bệnh cho cá. - Một số bệnh thường gặp ở cá và cách điều trị.
6. Các chất kích dục tố cho cá và chế phẩm vi sinh dùng trong bảo vệ môi trường nuôi cá	Một số chất kích dục tố thường dùng và chế phẩm sinh học bảo vệ môi trường nuôi cá.
7. Tìm hiểu nghề nuôi cá	- Đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Thông tin về thị trường lao động của nghề. - Vấn đề đào tạo nghề.

TRỒNG RỪNG

105 tiết

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG
1. Mở đầu	- Giới thiệu vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Các biện pháp bảo đảm an toàn lao động trong nghề.
2. Sản xuất hạt giống cây rừng	- Vai trò của giống cây rừng. - Sản xuất hạt giống cây rừng (thu hái quả, hạt giống; kiểm tra; phân loại; cất giữ; bảo quản hạt giống).
3. Sản xuất cây con	- Lập vườn ươm cây. - Sản xuất cây con bằng hạt (làm đất vườn ươm cây rừng; gieo hạt; cấy cây rừng; chăm sóc vườn ươm cây). - Sản xuất cây con bằng phương pháp nhân giống vô tính (giâm hom; ứng dụng công nghệ nuôi cây mô tế bào trong nhân giống cây rừng). - Luân canh trong vườn gieo ươm.
4. Trồng cây rừng	- Chuẩn bị trồng rừng (làm đất; bứng cây; bao gói; vận chuyển cây đến nơi trồng). - Trồng cây rừng (các phương thức và phương pháp trồng rừng; chăm sóc và bảo vệ rừng). - Phục hồi rừng.
5. Phòng trừ sâu, bệnh hại cây rừng	- Tác hại của sâu, bệnh hại đối với cây rừng. - Các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại cây rừng. - Tính chất và cách sử dụng một số loại thuốc phòng trừ sâu, bệnh hại cây rừng. - Một số loại sâu, bệnh hại cây rừng và biện pháp phòng trừ.
6. Tìm hiểu nghề trồng rừng	- Đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Thông tin về thị trường lao động của nghề. - Vấn đề đào tạo nghề.

105 tiết

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG
1. Mở đầu	- Giới thiệu vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Các biện pháp bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong nghề.
2. Vật liệu	- Một số kiến thức cơ bản của vật liệu dùng trong nghề gò: tính chất, công dụng của một số vật liệu thông dụng. - Phân biệt một số vật liệu dùng trong nghề gò.
3. Dụng cụ đo và vạch dấu	- Khái niệm đo và dụng sai. - Thước lá, thước cặp, thước góc, các loại compa và vạch dấu (công dụng và cách sử dụng). - Các phương pháp vạch dấu trên mặt phẳng. - Sử dụng các dụng cụ đo và vạch dấu theo bản vẽ.
4. Dụng cụ gia công	- Một số dụng cụ thường dùng trong gia công: công dụng, cấu tạo và cách sử dụng. - Sử dụng các dụng cụ gia công.
5. Gò thành hình	- Khái niệm, khai triển hình gò, tính phôi và phương pháp gò. - Thiết bị trong nghề gò: công dụng và cách sử dụng. - Dụng cụ và vật liệu hàn thiếc: công dụng và cách sử dụng. - Lập quy trình và làm một sản phẩm gò đơn giản.
6. Gò biến dạng	Khái niệm, dụng cụ và kỹ thuật gò biến dạng.
7. Tìm hiểu nghề gò	- Đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Thông tin về thị trường lao động của nghề. - Vấn đề đào tạo nghề.

ĐIỆN DÂN DỤNG

105 tiết

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG
1. Mở đầu	- Giới thiệu vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề.
2. An toàn lao động trong nghề điện dân dụng	- Nguyên nhân gây tai nạn lao động trong nghề điện dân dụng. - Những biện pháp đảm bảo an toàn lao động trong nghề điện dân dụng.
3. Đo lường điện	- Đồng hồ đo điện: phân loại; công dụng; cấu tạo; sử dụng một số đồng hồ đo điện thông dụng trong nghề điện dân dụng. - Một số dụng cụ kiểm tra điện trong nghề điện dân dụng: chức năng; cấu tạo và sử dụng. - Sử dụng một số đồng hồ đo điện và dụng cụ kiểm tra điện thông dụng.
4. Máy biến áp	- Phương pháp thiết kế máy biến áp công suất nhỏ. - Thiết kế và quấn máy biến áp công suất nhỏ.
5. Động cơ điện	- Một số kiến thức cơ bản về động cơ điện. - Động cơ điện xoay chiều 1 pha. - Một số mạch điều khiển đơn giản của động cơ điện xoay chiều 1 pha. - Bảo dưỡng, sửa chữa một số hư hỏng đơn giản đồ dùng điện - cơ trong gia đình.
6. Mạng điện trong nhà	- Một số kiến thức cơ bản về kỹ thuật chiếu sáng trong nhà. - Phương pháp tính toán, thiết kế mạng điện trong nhà. - Thiết kế, lắp đặt mạng điện đơn giản cho 1 phòng ở.
7. Tìm hiểu nghề điện dân dụng	- Đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Thông tin về thị trường lao động của nghề. - Vấn đề đào tạo nghề.

ĐIỆN TỬ DÂN DỤNG

105 tiết

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG
1. Mở đầu	- Giới thiệu vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Các biện pháp bảo đảm an toàn lao động trong nghề.
2. Linh kiện điện tử	- Một số linh kiện thụ động và tích cực cơ bản. - Nhận biết, xác định thông số của các linh kiện bán dẫn cơ bản.
3. Dụng cụ và thiết bị trong nghề điện tử dân dụng	- Một số dụng cụ đo điện thường dùng trong nghề điện tử dân dụng. - Sử dụng đồng hồ để đo và kiểm tra các linh kiện thụ động, các linh kiện bán dẫn. - Sử dụng mỏ hàn để hàn nối và tháo lắp các linh kiện điện tử.
4. Các mạch điện tử cơ bản	- Một số mạch điện tử cơ bản. - Lắp ráp một số mạch điện tử cơ bản.
5. Thiết bị điện tử dân dụng	- Một số thiết bị điện tử thông dụng. - Sử dụng, bảo dưỡng một số thiết bị điện tử thông dụng.
6. Tìm hiểu nghề điện tử dân dụng	- Đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Thông tin về thị trường lao động của nghề. - Vấn đề đào tạo nghề.

SỬA CHỮA XE MÁY

105 tiết

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG
1. Mở đầu	- Giới thiệu vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Các biện pháp bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong nghề.
2. Dụng cụ và nhiên liệu	- Nhiệm vụ, cấu tạo của một số dụng cụ thường dùng trong sửa chữa xe máy. - Nhiệm vụ và các đặc tính kỹ thuật của các loại xăng, dầu, mỡ dùng trong xe máy.
3. Động cơ xe máy	- Nhiệm vụ, cấu tạo và các chỉ tiêu kỹ thuật của động cơ xe máy. - Một số cơ cấu và hệ thống chính của động cơ xe máy. - Các chu trình thực của động cơ 4 kì và động cơ 2 kì. - Bảo dưỡng và điều chỉnh động cơ xe máy.
4. Hệ thống truyền lực	- Nhiệm vụ, cấu tạo của hệ thống truyền lực. - Bộ li hợp, hộp số, bộ truyền lực đến bánh sau. - Nhận biết các bộ phận chính của hệ thống truyền lực. - Bảo dưỡng và sửa chữa những hư hỏng thông thường của hệ thống truyền lực.
5. Hệ thống điện	- Nhiệm vụ, cấu tạo của hệ thống điện. - Bộ đánh lửa điện tử, CDI, thiết bị đèn còi, một số thiết bị đo lường và kiểm tra, các mạch điện, bộ khởi động điện.

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG
	- Nhận biết các bộ phận chính của hệ thống điện. - Bảo dưỡng và sửa chữa những hư hỏng thông thường của hệ thống điện.
6. Hệ thống điều khiển - Hệ thống di động	- Nhiệm vụ cấu tạo của hệ thống điều khiển và hệ thống di động. - Cụm tay lái, các cần điều khiển, phanh. - Thân xe, phuộc, càng, giảm xóc, bánh xe. - Nhận biết các bộ phận chính của hệ thống điều khiển và hệ thống di động. - Bảo dưỡng và sửa chữa những hư hỏng thông thường của hệ thống điều khiển và hệ thống di động.
7. Vận hành và bảo dưỡng xe máy	- Khởi động động cơ. - Chạy rà động cơ xe máy. - Một số điều luật giao thông đường bộ với người điều khiển xe máy. - Lịch bảo dưỡng xe máy. - Điều chỉnh chế độ làm việc của động cơ và bảo quản xe máy.
8. Tìm hiểu nghề sửa chữa xe máy	- Đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Thông tin về thị trường lao động của nghề. - Vấn đề đào tạo nghề.

CẮT MAY

105 tiết

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG
1. Mở đầu	- Giới thiệu vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Các biện pháp bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong nghề.
2. Một số kĩ thuật cơ bản	- Sử dụng dụng cụ, thiết bị cắt may. - May cơ bản.
3. Cắt may sơ mi nữ, nam	- Phương pháp đo và tính vải sơ mi nữ, nam. - Phương pháp vẽ và cắt sơ mi nữ, nam. - Phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sơ mi. - Chọn vật liệu và cắt may hoàn chỉnh sơ mi.
4. Cắt may quần âu nữ, nam	- Phương pháp đo và tính vải quần âu nữ, nam. - Phương pháp vẽ và cắt quần âu nữ, nam. - Phương pháp may các bộ phận chủ yếu của quần âu. - Chọn vật liệu và cắt may hoàn chỉnh quần âu.
5. Tìm hiểu nghề cắt may	- Đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Thông tin về thị trường lao động của nghề. - Vấn đề đào tạo nghề.

NẤU ĂN

105 tiết

Số 33 ngày 12 - 8 - 2006
Số 34 ngày 12 - 8 - 2006

www.ThuVienPhapLuat.com
0983522911
Tel: + 84-8-3845 6994

CÔNG BÁO

Thư viện
Pháp luật

63

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG
1. Mở đầu	- Giới thiệu vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Các biện pháp bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong nghề.
2. Các chất dinh dưỡng trong quá trình chế biến thực phẩm	Sự biến đổi của chất dinh dưỡng trong quá trình chế biến.
3. Lựa chọn, bảo quản thực phẩm	- Phương pháp lựa chọn thực phẩm: thực phẩm tươi sống, khô và thực phẩm công nghệ. - Các phương pháp bảo quản thực phẩm.
4. Sơ chế nguyên liệu	- Sơ chế nguyên liệu: yêu cầu, các thao tác sơ chế, phương pháp sơ chế. - Tạo hình nguyên liệu: các cách tạo hình, phương pháp cắt thái và vận dụng. - Phối hợp nguyên liệu và gia vị: nguyên tắc, phương pháp và cách sử dụng gia vị.
5. Chế biến món ăn	- Một số phương pháp chế biến món ăn từ rau, thịt gia súc, gia cầm, thủy sản, ngũ cốc: phương pháp chung, kỹ thuật chế biến từng món. - Trang trí món ăn: nguyên tắc, các phương pháp trang trí.
6. Xây dựng thực đơn	- Đặc điểm ăn uống của người Việt Nam và một số nước. - Xây dựng thực đơn trong nhà hàng ăn uống: nguyên tắc, phương pháp.
7. Phục vụ bàn	- Phương pháp phục vụ bàn trong nhà hàng ăn uống. - Lễ nghi trong tổ chức và phục vụ bàn.
8. Tìm hiểu nghề nấu ăn	- Đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Thông tin về thị trường lao động của nghề. - Vấn đề đào tạo nghề.

THÊU TAY

105 tiết

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG
1. Mở đầu	- Giới thiệu vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Các biện pháp bảo đảm an toàn lao động trong nghề.
2. Vật liệu, dụng cụ, cách lựa chọn và sang mẫu thêu	- Vật liệu, dụng cụ thêu. + Vật liệu thêu: chỉ thêu và nền thêu. + Dụng cụ thêu: khung thêu, mẽ kê khung, kim thêu, vật cắt chỉ. - Chọn mẫu và sang mẫu thêu.
3. Thêu tay	- Một số phương pháp thêu cơ bản (thêu nổi đầu, thêu lướt vặn, thêu bó, thêu bạt, thêu đâm xô, thêu sa hạt - đột, thêu giáp tia, thêu chằng chằng, thêu lát khoán vảy): khái niệm, phương pháp thêu, yêu cầu kỹ thuật, ứng dụng. - Phương pháp thêu pha màu một số mẫu (thêu pha màu một số mẫu hoa lá và chim, thú).
4. Rua	- Một số phương pháp rua (thắt sợi, rua quần, rua lưới): khái niệm, phương pháp thêu, yêu cầu kỹ thuật, ứng dụng. - Vận dụng rua thắt sợi để viền xung quanh khăn, vỏ gối.
5. Tìm hiểu nghề thêu	- Đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Thông tin về thị trường lao động của nghề. - Vấn đề đào tạo nghề.

TIN HỌC VĂN PHÒNG

105 tiết

Số 33 ngày 12 - 8 - 2006
Số 34 ngày 12 - 8 - 2006

www.ThuVienPhapLuat.com
090352291
Tel: +84-8-3845 6684 * 190Sawati

CÔNG BÁO

65

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG
1. Mở đầu	- Giới thiệu vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Các biện pháp bảo đảm an toàn lao động trong nghề.
2. Hệ điều hành Windows	- Một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows. - Các thao tác (cơ bản và nâng cao) làm việc với hệ điều hành Windows.
3. Hệ soạn thảo văn bản Microsoft Word	- Soạn thảo văn bản trong Microsoft Word. - Soạn thảo một số văn bản hành chính văn phòng. - Soạn thảo một số văn bản có bảng biểu, thực hiện tính toán và sắp xếp. - Soạn thảo và định dạng văn bản có vẽ hình, sơ đồ và các kí tự đặc biệt.
4. Bảng tính Microsoft Excel	- Một số khái niệm cơ bản về bảng tính. - Bảng tính điện tử Microsoft Excel. - Một số công việc cơ bản làm việc với bảng tính. - Lập một số bảng tính theo mẫu.
5. Mạng máy tính cục bộ và ứng dụng	- Khái niệm chung về mạng máy tính. - Các thiết bị dùng trong mạng máy tính. - Sử dụng mạng cục bộ.
6. Tìm hiểu nghề Tin học văn phòng	- Đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Thông tin về thị trường lao động của nghề. - Vấn đề đào tạo nghề.

III. CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

LÀM VƯỜN

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Mở đầu	<i>Kiến thức</i> - Biết được vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Biết được mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Biết được các biện pháp bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong nghề.	
2. Thiết kế, cải tạo vườn	<i>Kiến thức</i> - Hiểu được ý nghĩa, yêu cầu, nội dung của việc thiết kế vườn. - Hiểu được nguyên tắc và các biện pháp cải tạo tu bổ vườn tạp. - Biết một số mô hình vườn điển hình ở nước ta. <i>Kĩ năng</i> - Quan sát, nhận xét ưu, nhược điểm một số vườn có ở địa phương. - Lập được kế hoạch cải tạo tu bổ một vườn tạp cụ thể. <i>Thái độ</i> Yêu thích công việc cải tạo vườn tạp để nâng cao hiệu quả của vườn.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
3. Vườn ươm và phương pháp nhân giống cây trong vườn	Kiến thức - Biết một số điểm cơ bản về vườn ươm cây giống. - Hiểu được cơ sở khoa học của các phương pháp nhân giống và ưu, nhược điểm của chúng. - Hiểu rõ yêu cầu kỹ thuật và quy trình công nghệ của các phương pháp nhân giống cây trồng. Kỹ năng - Thiết kế được vườn ươm cây giống cho gia đình (trường). - Thực hiện các phương pháp nhân giống đúng yêu cầu kỹ thuật. - Chăm sóc cây giống trong vườn ươm theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Thái độ - Cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác khoa học trong công việc. - Ham thích việc nhân giống cây trồng quý để phổ biến trong sản xuất.	- Chọn địa điểm, chọn đất và cấu trúc của vườn ươm. - Tập trung vào các phương pháp gieo hạt, giâm cành, chiết cành, ghép và nuôi cây mô tế bào. - Chủ yếu là các phương pháp gieo hạt, giâm, chiết cành và ghép.
4. Kỹ thuật trồng một số cây phổ biến trong vườn	Kiến thức - Hiểu được đặc điểm sinh học và quy trình kỹ thuật trồng cây ăn quả. - Hiểu được đặc điểm sinh học và quy trình kỹ thuật trồng rau sạch. - Biết được quy trình trồng hoa. - Biết được quy trình trồng, uốn tạo dáng, tạo thế cây cảnh.	- Chọn 3 cây ăn quả điển hình. - Chọn 3 cây hoa điển hình.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng - Làm được một số khâu kĩ thuật trồng, chăm sóc cây ăn quả, rau, hoa. - Tạo dáng cây cảnh bằng phương pháp uốn dây kẽm. Thái độ Tuân thủ quy trình công nghệ trong trồng và chăm sóc cây trong vườn.	
5. Chất điều tiết sinh trưởng và chế phẩm sinh học trong nghề làm vườn	Kiến thức Hiểu được ý nghĩa, tác dụng và một số đặc điểm, tính chất, cách sử dụng các chế phẩm sinh học, các chất điều tiết sinh trưởng thường dùng trong nghề làm vườn. Kĩ năng - Sử dụng được các chế phẩm sinh học vào việc chăm sóc cây trồng trong vườn. - Sử dụng đúng các chất điều tiết sinh trưởng vào việc nhân giống cây trồng trong vườn. Thái độ Ham thích áp dụng các tiến bộ khoa học kĩ thuật vào công việc làm vườn.	Sử dụng chất điều tiết sinh trưởng đã được pha sẵn theo yêu cầu.
6. Bảo quản chế biến sản phẩm rau, hoa, quả	Kiến thức - Hiểu được ý nghĩa, sự cần thiết của việc bảo quản, chế biến sản phẩm rau quả trong nghề làm vườn. - Biết một số phương pháp bảo quản, sơ chế, chế biến rau, hoa quả.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng Làm được một số khâu kĩ thuật chủ yếu trong bảo quản, sơ chế, chế biến rau, hoa, quả. Thái độ Quan tâm tới việc đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình bảo quản chế biến rau, hoa, quả.	
7. Tìm hiểu nghề làm vườn	Kiến thức - Biết được đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Biết được thông tin về thị trường lao động của nghề. - Biết được các nơi đào tạo nghề. Kĩ năng - Tìm hiểu được thông tin nghề cần thiết. - Liên hệ bản thân để lựa chọn nghề. Thái độ Tích cực tìm hiểu thông tin nghề và định hướng nghề nghiệp cho bản thân.	

NUÔI CÁ

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Mở đầu	Kiến thức - Biết được vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Biết được mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Biết được các biện pháp đảm bảo an toàn lao động trong nghề nuôi cá.	
2. Một số cơ sở khoa học trong nuôi cá	Kiến thức - Hiểu được đặc điểm môi trường sống của cá. - Hiểu được đặc điểm sinh học của một số loài cá nuôi chủ yếu. - Hiểu được một số loại thức ăn và phân bón dùng trong nuôi cá và phương hướng giải quyết thức ăn cho cá. Kỹ năng - Phân biệt được môi trường nước nuôi cá. - Nhận dạng và nêu được tên các loài cá nuôi có ở địa phương. - Phân biệt được các loại thức ăn của cá. Sơ chế được thức ăn nhân tạo.	- Đặc điểm lí, hóa học của môi trường nước nuôi cá. - Thức ăn tự nhiên, thức ăn nhân tạo.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Thái độ Quan tâm tới việc tìm hiểu những đặc điểm sinh học của một số loài cá nuôi chủ yếu để biết cách chăm sóc và nuôi dưỡng chúng.	
3. Sản xuất cá con	Kiến thức - Hiểu được khái niệm và đặc điểm sinh học của cá con. - Biết được đặc điểm sinh sản của một số loại cá. - Biết được quy trình kỹ thuật ương nuôi cá con và nhân giống cá. - Biết được nguyên nhân làm chết cá khi vận chuyển và biện pháp khắc phục. Kỹ năng - Phân biệt được cá bột, cá hương, cá giống. - Chuẩn bị được ao để ương và nhân giống cá. - Chăm sóc và quản lý được ao ương cá con. - Vận chuyển được cá con. Thái độ Chăm chỉ, chịu khó quan sát, thực hiện đúng quy trình công nghệ trong ương nuôi và nhân giống cá.	- Cá bột, cá hương, cá giống. - Cá rô phi, cá chép. - Ương nuôi: cá hương, cá giống. - Nhân giống: cá rô phi, cá chép đề...
4. Nuôi cá thương phẩm	Kiến thức - Biết được kỹ thuật nuôi cá nước tĩnh, nước chảy. - Biết cách chọn loại cá nuôi kinh tế phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất ở địa phương.	- Cá nước tĩnh: nuôi ao, mô hình VAC, nuôi ruộng. - Cá nước chảy: nuôi ao, nuôi lồng.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng - Làm được một số khâu của quy trình nuôi cá thương phẩm. Thái độ Ham thích vận dụng những kiến thức về nuôi cá thương phẩm vào thực tế sản xuất và đời sống.	- Chuẩn bị ao nuôi. - Chọn cá nuôi, thao tác thả. - Sử dụng thức ăn.
5. Phòng chống một số bệnh thường gặp cho cá	Kiến thức - Biết được các nguyên nhân gây bệnh cho cá. - Biết được một số bệnh nguy hiểm thường gặp. Kĩ năng - Làm được công việc vệ sinh môi trường trước khi nuôi. - Sử dụng một số thuốc phòng và trị một số bệnh cho cá. Thái độ Quan tâm tìm hiểu những bệnh thường gặp ở cá để biết cách phòng và trị bệnh cho cá trong quá trình nuôi.	
6. Các chất kích dục tố cho cá và chế phẩm vi sinh dùng trong bảo vệ môi trường nuôi cá	Kiến thức - Biết được cơ chế của quá trình đẻ trứng ở cá. - Biết được tên một số kích dục tố thường dùng và chế phẩm sinh học bảo vệ môi trường nuôi cá. Kĩ năng Phân biệt được một số kích dục tố thường dùng và chế phẩm sinh học bảo vệ môi trường nuôi cá.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Thái độ Ý thức được việc dùng các chế phẩm vi sinh vào việc bảo vệ môi trường nuôi cá.	
7. Tìm hiểu nghề nuôi cá	Kiến thức - Biết được đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Biết được thông tin về thị trường lao động của nghề. - Biết được các nơi đào tạo nghề. Kĩ năng - Tìm hiểu được thông tin nghề cần thiết. - Liên hệ bản thân để lựa chọn nghề. Thái độ Tích cực tìm hiểu thông tin nghề, định hướng nghề nghiệp cho bản thân.	

TRỒNG RỪNG

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Mở đầu	<i>Kiến thức</i> - Biết được vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Biết được mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Biết được các biện pháp đảm bảo an toàn lao động trong nghề trồng rừng.	
2. Sản xuất hạt giống cây rừng	<i>Kiến thức</i> - Hiểu được vai trò của giống cây rừng trong sản xuất lâm nghiệp. - Hiểu được nguyên tắc chọn cây lấy hạt giống và phương pháp thu hoạch, tách quả lấy hạt, phân loại, cất trữ, bảo quản hạt giống cây rừng. <i>Kỹ năng</i> Thực hiện sản xuất hạt giống cây rừng đúng quy trình và yêu cầu kỹ thuật. <i>Thái độ</i> Nghiêm túc thực hiện các quy định về an toàn lao động trong quá trình sản xuất hạt giống cây rừng.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
3. Sản xuất cây con	Kiến thức - Biết được các yêu cầu của vườn ươm cây rừng, chọn và quy hoạch vườn ươm cây rừng. - Hiểu được mục đích, biện pháp và yêu cầu kỹ thuật gieo ươm cây rừng và luân canh trong vườn ươm. - Hiểu được ý nghĩa và kỹ thuật sản xuất giống cây rừng bằng phương pháp nhân giống vô tính (giâm hom, nuôi cây mô tế bào). Kỹ năng - Chọn và quy hoạch được vườn gieo ươm cây rừng. - Xử lý được một số loại hạt giống cây rừng trước khi gieo. - Thực hiện được quy trình sản xuất cây con đúng yêu cầu kỹ thuật và ứng dụng được trong thực tiễn lao động sản xuất cây con ở địa phương. Thái độ Ham thích vận dụng các kiến thức, kỹ năng gieo ươm cây giống vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương.	
4. Trồng cây rừng	Kiến thức - Hiểu được mục đích, biện pháp và yêu cầu kỹ thuật dọn đất, làm đất, trồng cây gây rừng bằng cây con và chăm sóc, bảo vệ cây rừng. - Hiểu được mục đích, biện pháp và yêu cầu kỹ thuật phục hồi rừng sau khai thác gỗ và khoanh nuôi rừng.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng Thực hiện được quy trình trồng cây rừng đúng yêu cầu kĩ thuật và ứng dụng được trong thực tiễn lao động sản xuất trồng rừng ở địa phương. Thái độ Tích cực chăm sóc, bảo vệ cây rừng và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn trồng rừng ở gia đình và địa phương.	Chọn cây rừng đang được trồng phổ biến và có triển vọng phát triển ở địa phương.
5. Phòng trừ sâu, bệnh hại cây rừng	Kiến thức - Hiểu được tác hại của sâu, bệnh hại đối với cây rừng. - Hiểu được mục đích, nội dung của các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại cây rừng. - Hiểu được tính chất, cách sử dụng một số loại thuốc thường được sử dụng trong công tác bảo vệ cây rừng. - Hiểu được đặc điểm hình thái, tập tính sinh sống, biểu hiện và cách phòng trừ một số loại sâu, bệnh hại cây rừng phổ biến. Kĩ năng - Nhận biết được một số loại sâu, bệnh hại cây rừng phổ biến ở địa phương. - Pha chế, sử dụng được một số loại thuốc phòng trừ sâu, bệnh hại cây rừng thông dụng ở địa phương và ứng dụng được vào thực tiễn lao động sản xuất.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Thái độ Quan tâm tới việc bảo vệ cây rừng và chấp hành nghiêm túc các quy định về an toàn lao động khi sử dụng thuốc phòng trừ sâu, bệnh hại.	
6. Tìm hiểu nghề trồng rừng	Kiến thức - Biết được đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Biết được thông tin về thị trường lao động của nghề. - Biết được các nơi đào tạo nghề. Kỹ năng - Tìm hiểu được thông tin nghề cần thiết. - Liên hệ bản thân để lựa chọn nghề. Thái độ Tích cực tìm hiểu thông tin nghề, định hướng nghề nghiệp cho bản thân.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Mở đầu	Kiến thức - Biết được vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Biết được mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Biết được các biện pháp đảm bảo an toàn lao động trong nghề gỗ.	
2. Vật liệu	Kiến thức - Biết được tính chất cơ học, công nghệ và công dụng phổ biến của một số vật liệu được sử dụng làm sản phẩm gỗ. Kỹ năng Nhận biết được những tính chất của vật liệu thép, đồng, nhôm,... bằng các phương pháp đơn giản.	
3. Dụng cụ đo và vạch dấu	Kiến thức - Hiểu được khái niệm, ý nghĩa của đo và dung sai trong chế tạo cơ khí. - Biết được công dụng, cách sử dụng một số dụng cụ đo và vạch dấu. - Biết các phương pháp vạch dấu trên mặt phẳng, quy trình vạch dấu sản phẩm đơn giản theo bản vẽ. Kỹ năng Sử dụng được các dụng cụ vạch dấu, dụng cụ đo và kiểm tra kích thước.	Dụng cụ đo: - Thước lá 300mm, 500mm; thước cặp 1/10, 1/20; các loại compa; thước góc. - Các kích thước: dài, trong, ngoài của sản phẩm với độ chính xác theo từng dụng cụ. - Dụng cụ vạch dấu: bàn vạch, đai vạch, mũi vạch, chấm dấu, phấn.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Thái độ Làm việc cẩn thận, chính xác và an toàn lao động.	
4. Dụng cụ gia công	Kiến thức Biết được công dụng, cách sử dụng các dụng cụ gò. Kỹ năng Sử dụng được các dụng cụ gò đúng kỹ thuật, an toàn. Thái độ - Có ý thức bảo quản và sử dụng dụng cụ an toàn. - Quan tâm tìm hiểu các dụng cụ gia công trong đời sống và sản xuất.	Chú trọng luyện tập kỹ năng sử dụng dụng cụ.
5. Gò thành hình	Kiến thức - Hiểu khái niệm gia công bằng phương pháp gò và phương pháp gò thành hình. - Biết cách sử dụng các thiết bị và các dụng cụ gò. - Biết được công dụng và cách sử dụng dụng cụ, vật liệu và quy trình hàn thiếc. - Biết được công dụng và phương pháp uốn, gấp mép, ghép nối. - Biết cách lập quy trình gò một số sản phẩm đơn giản. Kỹ năng - Đọc bản vẽ sản phẩm gò và lập quy trình gia công một sản phẩm.	- Thiết bị: máy gấp mép, lóc tôn. - Các dụng cụ như mỏ hàn, kim, lò đốt hoặc mỏ hàn điện. - Sản phẩm gò đơn giản có hình trụ, hình nón cụt.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Tính được phôi bằng cách khai triển hình gò. - Sử dụng được dụng cụ gò và dụng cụ hàn thiếc. - Ghép nối được hai bộ phận bằng phương pháp gấp và tán đỉnh. Thái độ Làm việc cẩn thận, an toàn, tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật.	
6. Gò biến dạng	Kiến thức - Biết khái niệm gò biến dạng và ứng dụng. - Biết lựa chọn, sử dụng một số dụng cụ gò biến dạng. Phương pháp gò biến dạng và nguyên lý kỹ thuật. Kỹ năng Sử dụng được một số dụng cụ gò biến dạng.	Gò chun và gò thúc
7. Tìm hiểu nghề gò	Kiến thức - Biết được đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Biết được thông tin về thị trường lao động của nghề. - Biết được các nơi đào tạo nghề. Kỹ năng - Tìm hiểu được thông tin nghề cần thiết. - Liên hệ bản thân để lựa chọn nghề. Thái độ Tích cực tìm hiểu thông tin nghề, định hướng nghề nghiệp cho bản thân.	

ĐIỆN DÂN DỤNG

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Mở đầu	Kiến thức - Biết được vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Biết được mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề.	
2. An toàn lao động trong nghề điện dân dụng	Kiến thức - Biết được những nguyên nhân thường gây tai nạn lao động trong nghề điện dân dụng. - Hiểu được tầm quan trọng, sự cần thiết của việc thực hiện nguyên tắc an toàn lao động trong nghề điện dân dụng. - Biết được các biện pháp đảm bảo an toàn lao động trong nghề điện dân dụng. Kỹ năng Thực hiện đúng những biện pháp đảm bảo an toàn lao động trong nghề điện dân dụng. Thái độ Nghiêm túc thực hiện những biện pháp đảm bảo an toàn lao động trong khi học tập và thực hành.	
3. Đo lường điện	Kiến thức - Biết được chức năng, cấu tạo của một số đồng hồ đo điện trong nghề điện dân dụng.	- Đồng hồ đo điện: trọng tâm là đồng hồ vạn năng.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Biết cách sử dụng một số đồng hồ đo điện thường dùng trong nghề điện dân dụng. - Biết chức năng, cấu tạo và cách sử dụng một số dụng cụ kiểm tra điện thường dùng trong nghề điện dân dụng. Kỹ năng - Sử dụng được một số đồng hồ đo điện thường dùng trong nghề điện dân dụng. - Sử dụng được một số dụng cụ kiểm tra điện thường dùng trong nghề điện dân dụng. Thái độ Làm việc cẩn thận, tỉ mỉ và đảm bảo an toàn lao động.	- Một số dụng cụ kiểm tra: bút thử điện, bút đo thông mạch, đèn báo neon. - Chú trọng vào kỹ năng sử dụng đồng hồ vạn năng. - Sử dụng bút thử điện để kiểm tra pha mạch điện và rò điện đã học ở lớp 8.
4. Máy biến áp	Kiến thức - Hiểu được phân loại máy biến áp. Cấu tạo, nguyên lý làm việc của máy biến áp một pha. - Hiểu được cách tính toán, thiết kế và quy trình quấn máy biến áp một pha công suất nhỏ. - Biết cách sử dụng một số dụng cụ cần thiết để quấn máy biến áp một pha. Kỹ năng Thiết kế và quấn được máy biến áp một pha công suất nhỏ.	Thiết kế và quấn máy biến áp tự ngẫu công suất dưới 1KVA.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Thái độ - Hứng thú với việc thiết kế và quản máy biến áp. - Làm việc nghiêm túc, khoa học, tuân thủ đúng quy trình và đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.	
5. Động cơ điện	Kiến thức - Biết được một số kiến thức cơ bản về động cơ điện. - Biết được cấu tạo, nguyên lí làm việc và một số ứng dụng của động cơ điện xoay chiều 1 pha. - Biết chức năng, cấu tạo và nguyên lí làm việc của một số mạch điều khiển động cơ điện xoay chiều 1 pha. - Biết cách bảo dưỡng, sửa chữa hư hỏng đơn giản của một số đồ dùng loại điện - cơ trong gia đình. Kĩ năng Tháo lắp, bảo dưỡng, sửa chữa được một số hư hỏng đơn giản của động cơ điện trong đồ dùng điện gia đình. Thái độ Tuân thủ đúng quy trình và đảm bảo an toàn lao động.	- Khái niệm, phân loại, những đại lượng định mức và một số ứng dụng của động cơ điện vào đời sống và sản xuất. - Chọn một trong các đồ dùng sau: quạt, máy bơm nước, máy giặt,...
6. Mạng điện trong nhà	Kiến thức - Biết một số kiến thức cơ bản về kĩ thuật chiếu sáng. - Biết cách tính toán, thiết kế mạng điện đơn giản trong nhà. - Hiểu được quy trình, yêu cầu kĩ thuật của lắp đặt mạng điện trong nhà.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng Tính toán, thiết kế, lắp đặt được mạng điện đơn giản cho một phòng ở. Thái độ Yêu thích việc thiết kế và lắp đặt mạng điện trong gia đình.	
7. Tìm hiểu nghề điện dân dụng	Kiến thức - Biết được đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Biết được thông tin về thị trường lao động của nghề. - Biết được các nơi đào tạo nghề. Kĩ năng - Tìm hiểu được thông tin nghề cần thiết. - Liên hệ bản thân để lựa chọn nghề. Thái độ Tích cực tìm hiểu thông tin nghề, định hướng nghề nghiệp cho bản thân.	

ĐIỆN TỬ DÂN DỤNG

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Mở đầu	Kiến thức - Biết được vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Biết được mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Biết được các biện pháp bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong nghề.	
2. Linh kiện điện tử	Kiến thức - Hiểu được cấu tạo, kí hiệu, số liệu kĩ thuật và công dụng của một số linh kiện điện tử thông dụng. - Biết được cấu tạo, công dụng của quang điện tử và vi mạch tích hợp (IC). Kĩ năng - Phân biệt được một số loại linh kiện điện tử thông dụng. - Kiểm tra được thông số kĩ thuật của một số linh kiện điện tử thông dụng. Thái độ Quan tâm tới việc tìm hiểu các linh kiện điện tử trong đời sống.	- Linh kiện thụ động: R, L, C. - Linh kiện tích cực: diode, tranzitor, tiristor, triắc. - Không tìm hiểu quá sâu về cơ chế các quá trình vật lí của các linh kiện điện tử.
3. Dụng cụ và thiết bị trong nghề điện tử dân dụng	Kiến thức Biết được chức năng, cấu tạo, ứng dụng, cách sử dụng một số thiết bị và dụng cụ thông dụng trong nghề điện tử dân dụng.	- Một số dụng cụ đo thông dụng (không giới thiệu quá sâu về nguyên lí cấu tạo): vôn kế,

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng - Sử dụng được một số thiết bị và dụng cụ trong nghề điện tử. - Lắp ráp, hàn và tháo dỡ được các linh kiện điện tử. Thái độ - Hứng thú với việc lắp ráp các linh kiện điện tử. - Làm việc khoa học, kiên trì và nghiêm túc.	ampe kế, đồng hồ vạn năng, máy phát tín hiệu, dao động kí, mỏ hàn, hút thiếc. - Sử dụng dụng cụ đo, không nhầm lẫn khi chuyển thang đo.
4. Mạch điện tử	Kiến thức Biết được chức năng và nguyên lí làm việc của một số mạch điện tử cơ bản. Kĩ năng - Đọc được sơ đồ của một số mạch điện tử. - Phân biệt được mạch điện tử tương tự, mạch điện tử số. - Thiết kế được một số mạch điện tử đơn giản. - Lắp ráp được một số mạch điện tử đơn giản. Thái độ Làm việc khoa học, kiên trì và nghiêm túc.	- Phân tích mạch điện tử để hiểu được nguyên lí của: mạch chỉnh lưu, ổn áp; mạch khuếch đại với tranzitor, khuếch đại thuật toán; mạch dao động đa hài; mạch điện tử kĩ thuật số, mạch điện tử điều khiển. - Tìm hiểu cách thể hiện mạch nguyên lí trên mạch lắp ráp. - Mạch số chỉ dừng ở khái niệm và giới thiệu một số mạch đơn giản.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
5. Thiết bị điện tử dân dụng	Kiến thức - Hiểu được nguyên lí làm việc của một số thiết bị điện tử dân dụng. - Biết được những thông số kĩ thuật cơ bản của các thiết bị điện tử dân dụng. Kĩ năng - Sử dụng đúng kĩ thuật và an toàn một số thiết bị điện tử dân dụng trong gia đình. - Sửa chữa được một số hư hỏng đơn giản của các thiết bị điện tử dân dụng. Thái độ Quan tâm tìm hiểu các thiết bị điện tử hiện đại trong đời sống.	- Tăng âm, máy thu thanh, thu hình, điện thoại, DVD. - Chỉ giới thiệu nguyên lí hoạt động theo sơ đồ khối, không đi quá sâu vào quá trình vật lí của các mạch.
6. Tìm hiểu nghề điện tử dân dụng	Kiến thức - Biết được đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Biết được thông tin về thị trường lao động của nghề. - Biết được các nơi đào tạo nghề. Kĩ năng - Tìm hiểu được thông tin nghề cần thiết. - Liên hệ bản thân để lựa chọn nghề. Thái độ Tích cực tìm hiểu thông tin nghề, định hướng nghề nghiệp cho bản thân.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Mở đầu	<i>Kiến thức</i> - Biết được vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Biết được mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Biết được các biện pháp bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong nghề.	
2. Dụng cụ và nhiên liệu	<i>Kiến thức</i> - Biết được nhiệm vụ, cấu tạo của một số dụng cụ thường dùng trong sửa chữa xe máy. - Biết được nhiệm vụ và đặc tính kỹ thuật của các loại xăng, dầu và mỡ dùng trong xe máy. - Biết được vấn đề an toàn trong sử dụng xăng. <i>Kỹ năng</i> - Sử dụng được các dụng cụ thường dùng trong sửa chữa xe máy. - Nhận biết và lựa chọn được xăng và dầu dùng cho xe máy. <i>Thái độ</i> - Cẩn thận trong việc chọn và sử dụng dụng cụ. - Quan tâm tới việc bảo đảm an toàn trong sử dụng xăng.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
3. Động cơ xe máy	Kiến thức - Biết được nhiệm vụ, cấu tạo và các chỉ tiêu kỹ thuật chính của động cơ xe máy. - Biết được các chu trình thực của động cơ xe máy 4 kì và 2 kì. - Biết được nhiệm vụ, cấu tạo, nguyên lí làm việc và hư hỏng của cơ cấu phân phối khí dùng xu páp. - Biết được nhiệm vụ, cấu tạo, nguyên lí làm việc và những hư hỏng của các hệ thống: cung cấp nhiên liệu, bôi trơn và làm mát. Kỹ năng - Phân biệt được các bộ phận chính của động cơ xe máy. - Kiểm tra, điều chỉnh được một số bộ phận của động cơ xe máy. - Làm được một số công việc tháo lắp, bảo dưỡng. Thái độ - Hứng thú tìm hiểu động cơ của các loại xe máy. - Làm việc cẩn thận, đúng quy trình, đảm bảo an toàn.	- Kiểm tra, điều chỉnh khe hở xu páp, bơm dầu, bộ chế hòa khí,... - Tháo lắp, bảo dưỡng: xéc măng, pít tông, bơm dầu, bộ chế hòa khí,... - Thay xéc măng, pít tông.
4. Hệ thống truyền lực	Kiến thức - Biết được nhiệm vụ, cấu tạo của hệ thống truyền lực. - Biết được nhiệm vụ, cấu tạo, nguyên lí làm việc và những hư hỏng thông thường của một số bộ phận thuộc hệ thống truyền lực.	- Bộ li hợp, hộp số, bộ truyền lực đến bánh sau, cơ cấu khởi động.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kỹ năng - Phân biệt được các bộ phận chính của hệ thống truyền lực. - Làm được một số công việc bảo dưỡng, điều chỉnh và sửa chữa đơn giản. Thái độ Quan tâm tìm hiểu những hư hỏng thông thường của hệ thống truyền lực.	- Kiểm tra, điều chỉnh: li hợp, cần khởi động; tháo lắp và thay xích kéo. - Kiểm tra sự mòn hỏng của đĩa ma sát, bánh răng, xích...
5. Hệ thống điện	Kiến thức - Biết được nhiệm vụ, cấu tạo của hệ thống điện. - Biết được nhiệm vụ, cấu tạo, nguyên lí làm việc và những hư hỏng thông thường của các bộ phận thuộc hệ thống đánh lửa. Kỹ năng - Phân biệt được các bộ phận chính của hệ thống điện. - Làm được một số công việc bảo dưỡng, sửa chữa đơn giản. Thái độ Quan tâm tìm hiểu những hư hỏng thông thường của hệ thống điện xe máy.	- Các bộ phận: các đồng hồ tại cụm tay lái, các mạch điện của xe máy, bộ khởi động điện. - Tháo lắp và kiểm tra được hệ thống đánh lửa; hệ thống đèn, còi, ắc quy, bugi, cổ góp, chổi than...
6. Hệ thống điều khiển - Hệ thống di động	Kiến thức - Biết được nhiệm vụ, cấu tạo của hệ thống điều khiển, hệ thống di động.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Biết được nhiệm vụ, cấu tạo, nguyên lí làm việc và những hư hỏng thông thường của một số bộ phận thuộc hệ thống điều khiển và hệ thống di động. Kĩ năng - Phân biệt được các bộ phận chính của hệ thống điều khiển, hệ thống di động. - Làm được một số công việc bảo dưỡng và sửa chữa những hư hỏng thông thường. Thái độ Quan tâm tìm hiểu những hư hỏng thông thường của hệ thống điều khiển và hệ thống di động.	- Các bộ phận: cụm tay lái, bộ phanh, bộ khung xe, bộ giảm xóc, bộ bánh xe. - Kiểm tra, điều chỉnh và vận hành được các cần điều khiển, các công tắc điện, phanh, bộ bánh xe. - Làm được các việc: vá xăm, thay xăm, lốp,...
7. Vận hành và bảo dưỡng xe máy	Kiến thức - Hiểu được quy trình khởi động động cơ. - Hiểu được quy trình chạy rà động cơ, xe máy. - Hiểu được một số điều luật giao thông đường bộ với người điều khiển xe máy. - Biết được lịch bảo dưỡng, chế độ bảo quản xe máy.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kỹ năng - Khởi động được động cơ. - Điều chỉnh được chế độ làm việc của động cơ. - Chạy rà được động cơ. - Bảo dưỡng được xe máy theo lịch. Thái độ Ý thức được việc phát hiện những hư hỏng thông thường để kịp thời sửa chữa, đảm bảo an toàn khi sử dụng xe máy.	
8. Tìm hiểu nghề sửa chữa xe máy	Kiến thức - Biết được đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Biết được thông tin về thị trường lao động của nghề. - Biết được các nơi đào tạo nghề. Kỹ năng - Tìm hiểu được thông tin nghề cần thiết. - Liên hệ bản thân để lựa chọn nghề. Thái độ Tích cực tìm hiểu thông tin nghề, định hướng nghề nghiệp cho bản thân.	

CẮT MAY

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Mở đầu	Kiến thức - Biết được vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Biết được mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Biết được các biện pháp bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong nghề.	
2. Một số kĩ thuật cơ bản	Kiến thức - Biết được công dụng của các dụng cụ và thiết bị cắt may. - Biết được những vấn đề chung của đường may cơ bản, phương pháp may một số đường may tay, may máy cơ bản. Kĩ năng - Sử dụng dụng cụ và thiết bị cắt may đúng kĩ thuật và đảm bảo an toàn lao động. - May được một số đường may tay, may máy đúng quy trình và đạt yêu cầu kĩ thuật. Thái độ Ý thức được việc giữ gìn, bảo quản các dụng cụ và thiết bị may.	Một số đường may tay và may máy thường sử dụng may sơ mi và quần âu (chưa học ở Tiểu học và Trung học cơ sở).
3. Cắt may sơ mi nữ, nam	Kiến thức - Biết được phương pháp đo và tính vải may sơ mi nữ, nam. - Hiểu được phương pháp vẽ và cắt một số kiểu sơ mi nữ, nam. - Hiểu được quy trình may sơ mi nữ, nam.	- Các kiểu sơ mi: nữ cơ bản và thời trang, nam cộc tay.



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Hiểu được yêu cầu kỹ thuật, quy trình và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sơ mi nữ, nam. - Biết cách chọn vật liệu may và quy trình cắt may để tạo một sản phẩm sơ mi hoàn chỉnh. Kỹ năng - Đo, tính được vải để cắt may sơ mi nữ, nam. - Vẽ và cắt được sơ mi nữ hoặc nam. - May được các bộ phận chủ yếu của sơ mi nữ, nam. - Chọn vật liệu, kiểu áo và cắt may hoàn chỉnh được một sơ mi nữ (hoặc nam) kiểu cơ bản hoặc thời trang. Thái độ - Làm việc cẩn thận, kiên trì, tiết kiệm. - Có thói quen làm việc theo quy trình, có thẩm mỹ, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.	- Các bộ phận: túi ốp ngoài, măng séc và tra tay áo nữ, cổ nằm hoặc cổ đứng.
4. Cắt may quần âu nữ, nam	Kiến thức - Biết được phương pháp đo và tính vải may quần âu nữ, nam. - Hiểu được phương pháp vẽ và cắt một số kiểu quần âu nữ, nam. - Hiểu được quy trình may quần âu nữ, nam. - Hiểu được yêu cầu kỹ thuật, quy trình và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của quần âu nữ, nam. - Biết cách chọn vật liệu may và quy trình cắt may để tạo một sản phẩm quần âu hoàn chỉnh.	- Các kiểu quần âu: nữ cơ bản và thời trang, nam cơ bản. - Các bộ phận: cửa quần kéo khóa, túi dọc thẳng hoặc chéo, cạp liền hoặc cạp rời.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Mở đầu	<i>Kiến thức</i> - Biết được vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Biết được mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Biết được các biện pháp bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong nghề.	
2. Các chất dinh dưỡng trong quá trình chế biến thực phẩm	<i>Kiến thức</i> Hiểu được sự biến đổi các chất dinh dưỡng trong quá trình chế biến thực phẩm. <i>Kỹ năng</i> Nhận biết được sự biến đổi của các chất dinh dưỡng trong quá trình chế biến món ăn. <i>Thái độ</i> Ý thức được việc bảo quản các chất dinh dưỡng trong quá trình chế biến thực phẩm.	Sự biến đổi của prôtein, glucit, lipit, vitamin trong quá trình chế biến.
3. Lựa chọn, bảo quản thực phẩm	<i>Kiến thức</i> - Biết cách lựa chọn các loại thực phẩm tươi sống, thực phẩm khô, thực phẩm công nghệ.	- Phương pháp lựa chọn chung từng loại; phương pháp lựa chọn

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Biết một số phương pháp bảo quản thực phẩm. Kĩ năng - Lựa chọn được một số thực phẩm thường dùng. - Bảo quản được thực phẩm an toàn. Thái độ Chú trọng việc đảm bảo an toàn thực phẩm trong đời sống.	một số thực phẩm thường sử dụng. - Các phương pháp bảo quản bằng: nhiệt độ thấp, xử lí nhiệt, axit, muối, đường, lên men... - Thực hành tối thiểu một trong các phương pháp dùng: axit hữu cơ, muối, đường, lên men,...
4. Sơ chế nguyên liệu	Kiến thức - Biết được yêu cầu của việc sơ chế nguyên liệu, quy trình chung sơ chế các nguyên liệu, phương pháp sơ chế một số nguyên liệu. - Biết các cách tạo hình nguyên liệu. Biết được yêu cầu của việc cắt thái, các phương pháp cắt thái và vận dụng. - Hiểu được nguyên tắc phối hợp nguyên liệu và gia vị, phương pháp phối hợp nguyên liệu, cách sử dụng gia vị. Kĩ năng - Sơ chế được một số loại nguyên liệu. - Cắt thái được các hình thông dụng và tía được một số hình trang trí món ăn.	- Quy trình chung sơ chế nguyên liệu động vật, thực vật tươi và khô. - Phương pháp sơ chế một số nguyên liệu thực phẩm tươi như rau, gà, cá, cua, ốc... thực phẩm khô như măng khô, cá khô... - Nguyên liệu: rau, củ, quả. - Tía những hình trang trí món ăn (chưa có trong chương trình môn Công nghệ Trung học cơ sở).

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Thái độ Có thói quen làm việc cẩn thận, gọn sạch, tiết kiệm và an toàn lao động.	
5. Chế biến món ăn	Kiến thức - Biết được phương pháp chung để chế biến món ăn. - Hiểu được phương pháp chế biến một số món ăn. - Biết các nguyên tắc và phương pháp trang trí món ăn. Kỹ năng - Chế biến được một số món ăn từ rau, thịt gia súc, gia cầm, thủy sản, ngũ cốc. - Trình bày các món ăn đúng nguyên tắc, đẹp. Thái độ Có thói quen làm việc theo quy trình, gọn sạch và an toàn lao động.	- Chế biến món ăn từ rau, thịt gia súc, gia cầm, thủy sản, ngũ cốc. - Yêu cầu kỹ thuật cao hơn chương trình môn Công nghệ Trung học cơ sở.
6. Xây dựng thực đơn	Kiến thức - Biết được đặc điểm ăn uống của người Việt Nam và một số nước. - Biết các nguyên tắc và phương pháp xây dựng thực đơn trong nhà hàng ăn uống. Kỹ năng Xây dựng được một số thực đơn theo yêu cầu.	
	Thái độ Thích thú xây dựng thực đơn cho bữa ăn gia đình.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
7. Kỹ thuật phục vụ bàn	Kiến thức - Hiểu được phương pháp phục vụ bàn trong nhà hàng ăn uống. - Biết được những lễ nghi trong tổ chức và phục vụ ăn. Kỹ năng - Bày và trang trí được bàn ăn. - Phục vụ bữa ăn. Thái độ Có tác phong làm việc khoa học, thái độ hòa nhã, đúng mực.	Bày và dọn bàn, trang trí bàn ăn, phục vụ ăn.
8. Tìm hiểu nghề nấu ăn	Kiến thức - Biết được đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Biết được thông tin về thị trường lao động của nghề. - Biết được các nơi đào tạo nghề. Kỹ năng - Tìm hiểu được thông tin nghề cần thiết. - Liên hệ bản thân để lựa chọn nghề. Thái độ Tích cực tìm hiểu thông tin nghề, định hướng nghề nghiệp cho bản thân.	

THÊU TAY

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Mở đầu	Kiến thức - Biết được vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Biết được mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Biết được các biện pháp bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong nghề.	
2. Vật liệu, dụng cụ, cách lựa chọn và sang mẫu thêu	Kiến thức - Biết được chất liệu, cách sử dụng và bảo quản các vật liệu thêu. - Biết được cấu tạo, cách sử dụng và bảo quản các dụng cụ thêu tay. - Biết cách chọn mẫu thêu, bố trí mẫu phù hợp với sản phẩm, phương pháp sang mẫu vào nền thêu màu sáng, màu tối. - Biết cách căng khung tròn và khung bộ. Kỹ năng - Phân biệt được các loại vật liệu thêu. - Chọn được vật liệu và sử dụng dụng cụ để thêu đúng yêu cầu kỹ thuật. - Chọn được mẫu thêu và sang mẫu vào nền thêu phù hợp với sản phẩm. - Căng được khung tròn và khung bộ.	Chọn, bố trí và sang mẫu thêu vào khăn, áo, váy, túi, vỏ gối,...

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CÀN ĐẠT	GHI CHÚ
3. Thêu tay	Kiến thức - Biết được khái niệm, phương pháp thêu, yêu cầu kỹ thuật và ứng dụng của các phương pháp thêu cơ bản. - Biết cách lựa chọn phương pháp thêu phù hợp với mẫu thêu cụ thể. - Biết được cách thêu pha màu một số dạng lá, hoa, chim thú. Kỹ năng - Thêu được các dạng cơ bản của từng phương pháp thêu và những mẫu vận dụng đơn giản. - Thêu pha màu được một số mẫu hoa, lá, chim, thú,... - Thêu được mẫu hoàn chỉnh trang trí sản phẩm may mặc đạt yêu cầu kỹ thuật và thẩm mỹ. Thái độ Yêu thích công việc thêu trang trí, kiên trì, tỉ mỉ học tập và quan sát thực tế, có óc thẩm mỹ và sáng tạo.	Các phương pháp thêu cơ bản: thêu nổi đầu, thêu lướt vận, thêu bó, thêu bạt, thêu đâm xô, thêu sa hạt - đột, thêu giáp tia, thêu chằng chặn, lát khoán vảy. Ví dụ: Phương pháp thêu đâm xô - Dạng cơ bản: canh chỉ thẳng, canh chỉ ngang, canh chỉ chéo, canh chỉ tỏa. - Dạng vận dụng: Thêu mẫu ngôi nhà tranh, mẫu hoa cúc cánh tròn,... - Sản phẩm thêu trang trí: khăn tay, khăn ăn, vỏ gối, ngực áo, váy,...
4. Rùa	Kiến thức - Biết được những vật liệu và dụng cụ cần thiết để rùa. - Biết được khái niệm, phương pháp rùa, yêu cầu kỹ thuật và ứng dụng của một số phương pháp rùa cơ bản. - Biết được quy trình thực hiện để tạo sản phẩm thêu rùa.	Một số phương pháp rùa: - Rùa thắt sợi: rùa bó mạ, rùa chữ I, rùa lộn,... - Rùa quần: chữ I đơn, kép, chữ thọ,... - Rùa lưới: lưới đơn, kép, chữ thập,...

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng - Thao tác rút sợi và rua đúng kĩ thuật các kiểu rua đã học. - Rua viền xung quanh khăn hoặc vỏ gói, rua kết hợp với thêu các mẫu tổng hợp đúng quy trình, đạt yêu cầu kĩ thuật và thẩm mỹ. Thái độ Kiên trì, tỉ mỉ rèn luyện tay nghề để áp dụng vào sản phẩm.	
5. Tìm hiểu nghề thêu	Kiến thức - Biết được đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Biết được thông tin về thị trường lao động của nghề. - Biết được các nơi đào tạo nghề. Kĩ năng - Tìm hiểu được thông tin nghề cần thiết. - Liên hệ bản thân để lựa chọn nghề. Thái độ Tích cực tìm hiểu thông tin nghề, định hướng nghề nghiệp cho bản thân.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Mở đầu	Kiến thức - Biết được vị trí, vai trò và triển vọng của nghề. - Biết được mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp học tập nghề. - Biết được các biện pháp bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong nghề.	
2. Hệ điều hành Windows	Kiến thức - Hiểu được các thành phần cơ bản của hệ điều hành Windows và chức năng của chúng. - Hiểu được các kiến thức cơ bản của các thao tác làm việc với hệ điều hành Windows. Kỹ năng - Giao tiếp được với hệ điều hành Windows. - Sử dụng thành thạo chuột. - Tổ chức được thông tin của mình khi làm việc với máy tính. - Chạy các chương trình ứng dụng trong Windows. - Thiết đặt một số tham số hệ thống. - Cài đặt và điều khiển máy in.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
3. Hệ soạn thảo văn bản Microsoft Word	Kiến thức - Hiểu được một số kiến thức cơ bản về hệ soạn thảo văn bản Microsoft Word. - Hiểu được một số nguyên tắc soạn thảo văn bản với Word. - Biết cách trình bày một số loại văn bản: văn bản hành chính, văn bản dài nhiều trang, văn bản có bảng biểu, văn bản chia cột,... - Biết được các thao tác quan trọng khi soạn thảo văn bản. - Biết được một số tính năng nâng cao của hệ soạn thảo Microsoft Word. Kỹ năng - Gõ thành thạo các văn bản nói chung. - Sử dụng thành thạo hệ soạn thảo văn bản Microsoft Word. - Soạn thảo thành thạo một số văn bản hành chính thông dụng: tờ trình, giấy mời, công văn, quyết định, biên bản, báo cáo, hợp đồng,... - Soạn thảo được văn bản có bảng biểu: danh sách, bảng tổng hợp, lập biểu,... - Soạn thảo được văn bản nhiều trang, văn bản chia thành các cột, văn bản có hình vẽ, sơ đồ, kí tự đặc biệt.	- Cấu trúc, các đối tượng cơ bản và cách thức làm việc với các đối tượng đó. - Một số nguyên tắc: phân biệt đoạn văn bản, trang và toàn bộ văn bản. - Tập trung chủ yếu vào các loại văn bản thuộc công việc văn phòng. - Các kĩ năng soạn thảo thông qua các bài tập, bài thực hành.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Thái độ - Yêu thích công việc soạn thảo văn bản. - Quan tâm tìm hiểu các loại văn bản trong công việc văn phòng.	
4. Bảng tính Microsoft Excel	Kiến thức - Biết được các chức năng chung của bảng tính điện tử. - Hiểu được một số kiến thức cơ bản về bảng tính Microsoft Excel. - Biết lập bảng tính, các thao tác trên bảng tính, trang tính, định dạng bảng tính. - Hiểu được công thức và một số hàm cơ bản của bảng tính Excel. - Hiểu được khái niệm cơ sở dữ liệu, sắp xếp và lọc dữ liệu. - Biết được cách tạo biểu đồ trong Excel. - Biết cách thiết đặt trang in và in trang tính. Kỹ năng - Làm việc được với bảng tính Excel. - Lập được một số bảng tính. Thái độ Quan tâm tìm hiểu các bảng tính dùng trong công việc văn phòng.	- Cấu trúc và các đối tượng cơ bản của bảng tính Microsoft Excel và cách thức làm việc với các đối tượng đó. - Chọn các ví dụ gần gũi với học sinh phổ thông.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
5. Mạng máy tính cục bộ và ứng dụng	Kiến thức - Biết được các thiết bị tối thiểu dùng để lắp đặt một mạng cục bộ. - Biết cách làm việc trong mạng. Kỹ năng - Sử dụng được các tài nguyên chung. - Đưa tài nguyên trên máy của mình ra dùng chung.	
6. Tìm hiểu nghề tin học văn phòng	Kiến thức - Biết được đặc điểm, yêu cầu của nghề. - Biết được thông tin về thị trường lao động của nghề. - Biết được các nơi đào tạo nghề. Kỹ năng - Tìm hiểu được thông tin nghề cần thiết. - Liên hệ bản thân để lựa chọn nghề. Thái độ Tích cực tìm hiểu thông tin nghề, định hướng nghề nghiệp cho bản thân.	

IV. GIẢI THÍCH - HƯỚNG DẪN

1. Giáo dục nghề phổ thông

Dạy nghề phổ thông hiện nay nhằm chuẩn bị cho học sinh một số kỹ năng lao động về những lĩnh vực nghề phổ biến, cần thiết và phù hợp với lứa tuổi học sinh cấp Trung học phổ thông, để khi ra trường nếu không tiếp tục học lên có thể tham gia lao động sản xuất tại gia đình, cộng đồng hoặc các doanh nghiệp, đồng thời góp phần định hướng nghề theo ý nghĩa giáo dục hướng nghiệp. Hiện nay có tới gần 60 nghề khác nhau để các địa phương và học sinh lựa chọn, nội dung các nghề thuộc các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, thủ công và tin học. Việc dạy nghề phổ thông được tổ chức chủ yếu tại các trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp và một số trường phổ thông có điều kiện.

Giáo dục nghề phổ thông còn là hoạt động mang tính chất giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông, một bộ phận của nội dung giáo dục toàn diện. Thông qua giáo dục nghề phổ thông, học sinh làm quen với việc tìm hiểu một nghề cụ thể, có điều kiện để thử sức bản thân trong hoạt động thực tế, từ đó hình thành động cơ, thái độ lựa chọn nghề phù hợp.

Trong kế hoạch dạy học của trường Trung học phổ thông, nội dung nghề phổ thông được quy định là hoạt động giáo dục nghề phổ thông với thời lượng là 105 tiết ở lớp 11.

2. Quan điểm xây dựng và phát triển chương trình

Quán triệt những mục tiêu và căn cứ vào vị trí của giáo dục nghề phổ thông, chương trình được xây dựng theo những quan điểm sau:

- Kế thừa phát huy những ưu điểm của chương trình nghề phổ thông hiện hành để phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả thi.
- Chú trọng nguyên tắc kỹ thuật tổng hợp và liên thông với các môn khoa học và công nghệ để phát triển tư duy kỹ thuật, tư duy kinh tế và hình thành kỹ năng kỹ thuật.

- Tăng cường nội dung hướng nghiệp để học sinh có điều kiện tìm hiểu nghề, làm quen với một nghề cụ thể và góp phần định hướng nghề.

- Coi trọng thực hành nhằm đảm bảo hình thành một số kỹ năng làm việc đúng kỹ thuật, theo quy trình công nghệ cần thiết của nghề để học sinh có thể sử dụng trong đời sống và lao động.

- Đa dạng hóa nội dung các nghề để học sinh và các trường có thể lựa chọn phù hợp với những điều kiện cụ thể về phương hướng phát triển kinh tế, cơ sở vật chất và giáo viên của địa phương, đồng thời đáp ứng nguyện vọng của học sinh.

3. Về phương pháp dạy học

Đặc trưng cơ bản của giờ học nghề phổ thông là hoạt động thực hành, nhằm hình thành ở học sinh những kỹ năng lao động cơ bản của nghề cụ thể. Để thực hiện đổi mới phương pháp trong quá trình dạy học, ngoài những phương pháp truyền thống, điển hình được sử dụng cho các môn học thực nghiệm và trong dạy nghề, giáo viên cần vận dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy tính chủ động của học sinh. Ngoài ra, giáo viên cần chú trọng vận dụng phương pháp dạy học thực hành và sử dụng những đồ dùng dạy học như tranh vẽ, băng hình, mô hình, mẫu vật phù hợp với từng nội dung bài học để tăng tính trực quan, giúp học sinh nhận thức tốt hơn.

4. Về đánh giá kết quả học tập của học sinh

Để phù hợp với đặc thù của giáo dục nghề phổ thông, việc đánh giá được thực hiện bằng việc cho điểm các loại bài kiểm tra và xếp loại theo quy định.

Kết quả học tập của học sinh được đánh giá trên cả 3 mặt: kiến thức, kỹ năng và thái độ theo yêu cầu của nội dung hoạt động.

Phương pháp đánh giá cần kết hợp cả phương pháp đánh giá tự luận và trắc nghiệm khách quan.

Đánh giá kĩ năng của học sinh cần chú trọng cả chất lượng sản phẩm, quy trình thực hành và thời gian hoàn thành sản phẩm.

Đánh giá thái độ của học sinh tuy khó khăn nhưng rất cần thiết. Giáo viên đánh giá thái độ học sinh qua theo dõi sự thể hiện thói quen làm việc có kế hoạch, đúng quy trình, ý thức tiết kiệm, tinh thần hợp tác trong công việc, lòng say mê công việc v.v... trong quá trình học tập và thực hành của các em.

Kết quả xếp loại theo điểm, nếu học sinh nào không đạt yêu cầu là chưa hoàn thành nội dung giáo dục nghề phổ thông của cấp Trung học phổ thông.

5. Về việc vận dụng chương trình ở các địa phương

Nội dung giáo dục nghề phổ thông được quy định trong các chương trình nghề phổ thông với thời lượng 105 tiết thuộc các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, thủ công, dịch vụ và tin học. Những nghề phổ thông được lựa chọn là những nghề phổ biến, hiện đại, xã hội có nhu cầu phát triển, phù hợp với học sinh Trung học phổ thông. Đây là những nội dung tự chọn bắt buộc đối với học sinh lớp 11. Như vậy sẽ có nhiều chương trình nghề phổ thông được áp dụng cho học sinh trên toàn quốc và phù hợp với đặc thù các vùng miền khác nhau. Để đảm bảo mục tiêu hình thành kĩ năng, trong mỗi chương trình nghề phần thực hành được xây dựng chiếm 2/3 tổng thời lượng của chương trình.

Các địa phương lựa chọn những nội dung nghề phổ thông phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, giáo viên, cơ sở vật chất để tổ chức thực hiện. Nhưng số nội dung (chương trình) nghề được lựa chọn phải phù hợp với sự đa dạng của thực tiễn kinh tế ở địa phương và nguyện vọng cũng như năng lực của học sinh để đảm bảo cho mỗi học sinh được phát triển và phục vụ cho việc định hướng nghề.

Do sự đa dạng của các nghề, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức xây dựng 11 chương trình nghề đại diện các lĩnh vực, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tổ chức xây dựng tiếp chương trình những nghề phổ biến và hướng dẫn các địa phương áp dụng chương trình những nghề có đặc thù của riêng địa phương.

PHẦN THỨ BA

CHUẨN KIẾN THỨC, KỸ NĂNG VÀ YÊU CẦU VỀ THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI HỌC SINH CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

I. CHUẨN KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CỦA CÁC LĨNH VỰC

1. Ngôn ngữ và văn học

a) Kiến thức

- Biết được một cách tương đối hệ thống những tác phẩm tiêu biểu cho các thể loại của văn học dân gian, văn học trung đại, văn học hiện đại Việt Nam và một số tác phẩm, trích đoạn văn học nước ngoài. Hiểu được vẻ đẹp về nội dung và hình thức nghệ thuật của những tác phẩm được học. Biết một số kiến thức sơ giản về lí luận văn học, văn hóa. Bước đầu hiểu những đặc điểm cơ bản về lịch sử văn học Việt Nam (các thời kì văn học lớn, các tác giả lớn, một số thể loại văn học chủ yếu của dân tộc).

- Biết được những nét lớn về đặc điểm loại hình và lịch sử tiếng Việt. Bước đầu hiểu được những yêu cầu của các phong cách ngôn ngữ và yêu cầu giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- Biết được một số kiến thức nâng cao về các kiểu văn bản đã học, đặc biệt là các thao tác lập luận của văn bản nghị luận. Hiểu cách kết hợp các thao tác lập luận, các phương thức biểu đạt phù hợp, các bước hoàn thiện một bài văn nghị luận xã hội và nghị luận văn học.

- Có kiến thức cơ bản, tương đối hệ thống và hoàn chỉnh về ngữ âm, từ vựng (khoảng 1000 - 1500 từ), ngữ pháp của tiếng nước ngoài hiện đại để hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp. Có kiến thức cơ bản về đất nước, con người và nền văn hóa bản ngữ.

b) Kỹ năng

- Đọc nhanh và nắm bắt được nội dung văn bản một cách chính xác; biết lựa chọn và xử lý thông tin để có những đánh giá và nhận xét của riêng mình. Có kỹ năng đọc - hiểu văn bản văn học theo đặc trưng thể loại. Viết được bài văn đúng yêu cầu, có nội dung đa dạng, phong phú, đặc biệt là văn bản nghị luận. Nghe, hiểu, đối đáp một cách chính xác trong các tình huống giao tiếp thông thường và một số tình huống đột xuất. Biết diễn đạt bằng lời một cách rõ ràng, sáng sủa, chính xác những suy nghĩ và tình cảm của bản thân. Biết trình bày ý kiến một cách rõ ràng, mạch lạc và biểu cảm trước nhiều người.

- Nghe hiểu được bằng tiếng nước ngoài nội dung chính các cuộc trao đổi về những vấn đề phổ thông hợp trình độ và lứa tuổi. Có khả năng trao đổi, trình bày những suy nghĩ, cảm nhận cá nhân về những vấn đề yêu thích. Đọc hiểu nội dung văn bản và tài liệu phổ thông có độ dài khoảng 300 - 400 từ. Biết viết một số văn bản nghị thức thông thường, đơn giản.

2. Toán - Tin

a) Kiến thức

- Biết được khái niệm mệnh đề; hiểu sâu hơn một số khái niệm: hàm số, phương trình, bất phương trình. Biết các hàm số lượng giác, lũy thừa, mũ, lôgarit. Biết các kiến thức cơ bản về dãy số, sơ lược giới hạn của dãy số; đạo hàm, nguyên hàm, tích phân của một số hàm số.

- Biết khái niệm số phức.

- Biết các kiến thức cơ bản về vectơ, tọa độ và ứng dụng của chúng vào khảo sát đường thẳng, tam giác, đường tròn, elip trong mặt phẳng, khảo sát các quan hệ song song, vuông góc của đường thẳng, mặt phẳng trong không gian. Có một số kiến thức về phép biến hình trong mặt phẳng. Biết tính chất của một số khối vật thể đơn giản (đa diện, mặt tròn xoay); hiểu các công thức tính thể tích của chúng.

- Biết một số khái niệm cơ bản về tổ hợp, xác suất. Hiểu được ý nghĩa của các số đặc trưng và một số khái niệm cơ bản khác về thống kê.

- Biết một số kiến thức nhập môn cơ bản về tin học, thuật toán, ngôn ngữ lập trình, cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ.

b) Kỹ năng

- Giải thành thạo phương trình, bất phương trình bậc nhất, bậc hai, hệ hai phương trình bậc nhất. Giải được phương trình lượng giác, phương trình mũ và lôgarit đơn giản. Giải được các bài toán đơn giản về biến đổi lượng giác, lũy thừa, mũ, lôgarit, về dãy số, giới hạn của dãy số và hàm số. Tính được đạo hàm, nguyên hàm, tích phân của một số hàm số.

Khảo sát được một số hàm số đơn giản: hàm số bậc hai, bậc ba, hàm số bậc bốn trùng phương, hàm số $y = \frac{ax+b}{cx+d}$, hàm số lượng giác, hàm số mũ, hàm số lôgarit.

- Thực hiện được phép toán cộng, trừ, nhân, chia số phức.

- Giải được một số bài toán về:

+ Vectơ, tọa độ, hệ thức lượng trong tam giác, đường thẳng, đường tròn, elip trong mặt phẳng.

+ Quan hệ song song, vuông góc của đường thẳng, mặt phẳng trong không gian.

+ Tính chất các hình, tính được thể tích và diện tích của một số khối vật thể đơn giản: hình chóp, lăng trụ, mặt cầu, mặt trụ, mặt nón.

- Trình bày được bảng số liệu thống kê, tính được các số đặc trưng của biến lượng; đọc và vẽ được biểu đồ tần số, tần suất. Giải được một số bài toán đơn giản về tổ hợp, xác suất.

- Thực hiện được các thao tác với một hệ điều hành, soạn thảo được văn bản, sử dụng được các dịch vụ trên Internet: duyệt Web, tìm kiếm thông tin, gửi và nhận thư điện tử. Bước đầu giải được các bài toán đặc thù đơn giản trên máy tính điện tử. Sử dụng được một hệ quản trị cơ sở dữ liệu.

- Có khả năng suy luận logic và khả năng tự học; có trí tưởng tượng không gian. Vận dụng được kiến thức toán học vào thực tiễn và các môn học khác.

3. Khoa học tự nhiên

a) Kiến thức

- Có những kiến thức ban đầu về:

Động học và động lực học vật rắn; các nguyên lí của nhiệt động lực học; các hạt sơ cấp; vũ trụ.

- Có những kiến thức tương đối đầy đủ về:

+ Cơ học chất điểm, cân bằng của vật rắn, các thể của vật chất và sự chuyển thể, điện trường, dòng điện không đổi, dòng điện xoay chiều, bản chất và tính chất của các dòng điện trong các môi trường, từ trường, cảm ứng điện từ; dao động và sóng cơ, dao động và sóng điện từ, một số máy điện, khúc xạ ánh sáng, các dụng cụ quang phổ biến, tính chất sóng và tính chất lượng tử của ánh sáng, phản ứng hạt nhân và phóng xạ.

+ Lí thuyết cơ sở hóa học: cấu tạo nguyên tử, cấu tạo phân tử chất vô cơ và hữu cơ, quy tắc, định luật hóa học, bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, tính chất, ứng dụng và điều chế đơn chất, hợp chất vô cơ, hợp chất hữu cơ, vật liệu pôlime, mối quan hệ giữa hóa học và vấn đề phát triển kinh tế, xã hội, môi trường.

+ Cấu trúc, chức năng và các quá trình sinh học trong tế bào nhân sơ và nhân thật, các vấn đề sinh học cơ thể động vật, thực vật như chuyển hóa vật chất và năng lượng, cảm ứng, sinh trưởng, sinh sản, các cơ chế, quy luật di truyền, biến dị và ứng dụng của di truyền học, nguyên nhân tiến hóa, mối tương tác giữa các nhân tố sinh thái với các cấp độ tổ chức sống.

b) Kỹ năng

- Có kỹ năng tương đối thành thạo trong thu thập thông tin, xử lý các thông tin để rút ra kết luận về các đặc điểm, thuộc tính của một số vật và chất, bản chất và quy luật của một số hiện tượng vật lý, hóa học và sinh học trong việc giải thích một số hiện tượng của tự nhiên và đời sống, trong việc vận dụng các kết luận thu được để giải quyết các vấn đề không quá phức tạp trong học tập và cuộc sống.

- Thực hiện được một số thí nghiệm về cơ, nhiệt, điện, quang; về sinh lý cơ thể, về chiết ghép cây; nghiên cứu, kiểm chứng tính chất hóa học của một số chất, điều chế một số chất.

- Tìm hiểu và điều tra được môi trường sinh thái; phân tích, làm được một số tiêu bản về tế bào và tiến hành được một số thí nghiệm sinh lý học, sinh thái học.

- Giải được bài tập về cơ học chất điểm, điều kiện cân bằng của vật rắn, các hiện tượng và quá trình nhiệt, khúc xạ ánh sáng và các dụng cụ quang, điện tích, điện trường, dòng điện trong toàn mạch, từ trường và lực điện từ, dòng điện cảm ứng, dao động điều hòa, giao thoa sóng, dòng điện xoay chiều đối với đoạn mạch có R, L, C mắc nối tiếp, phóng xạ; xác định công thức phân tử, khối lượng, thể tích của nguyên liệu hoặc sản phẩm phản ứng, nhận biết chất, xử lý chất thải, chất độc hại; quy luật di truyền học và sinh thái học.

4. Khoa học xã hội

a) Kiến thức

- Biết được một cách có hệ thống, chính xác về quá trình phát triển của lịch sử dân tộc. Biết được một cách khái quát quá trình phát triển của lịch sử thế giới; hiểu được những sự kiện cơ bản, nổi bật, tiêu biểu cho những bước phát triển chủ yếu, những chuyển biến quan trọng trong lịch sử thế giới.

- Hiểu được một số nội dung cơ bản, mang tính quy luật trong sự phát triển của xã hội loài người; mối quan hệ giữa các yếu tố trong cơ cấu xã hội, đặc biệt là vai trò của lao động sản xuất và đấu tranh xã hội trong tiến trình phát triển của lịch sử, vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử.

- Biết được tương đối đầy đủ về các thành phần tự nhiên của Trái Đất, một số quy luật phát triển của môi trường tự nhiên; những đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, kinh tế của một số quốc gia trên thế giới, về một số vấn đề có tính chất toàn cầu hiện nay như dân số, môi trường, hòa bình.

- Biết đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, dân cư - xã hội, kinh tế của đất nước và địa phương. Hiểu được mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên, dân cư với kinh tế và những vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

b) Kỹ năng

Sử dụng tương đối thành thạo bản đồ; vẽ và phân tích biểu đồ, đồ thị; sử dụng bảng thống kê, bảng số liệu,... Biết thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin từ sách giáo khoa Lịch sử, Địa lí và các nguồn kiến thức có liên quan. Có kỹ năng tư duy: so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, trừu tượng hóa để tìm hiểu một số sự kiện lịch sử và hiện tượng địa lí. Vận dụng hiểu biết để giải thích một số sự kiện lịch sử, địa lí và các mối quan hệ địa lí có liên quan đến kiến thức đã học.

5. Giáo dục công dân

a) Kiến thức

- Bước đầu biết được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình, sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng. Biết nguồn gốc, cách thức và khuynh hướng vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng. Hiểu khái niệm nhận thức, khái niệm thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. Biết được mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Biết được con người là chủ thể của lịch sử và là mục tiêu phát triển của xã hội.

- Hiểu được một số khái niệm cơ bản của đạo đức học (nghĩa vụ, lương tâm, nhân phẩm, danh dự, hạnh phúc) và một số giá trị đạo đức cơ bản của người công dân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

- Bước đầu hiểu được một số khái niệm về kinh tế (hàng hóa, tiền tệ, thị trường); một số nội dung cơ bản của quy luật giá trị, quy luật cung - cầu, quy luật cạnh tranh. Hiểu được vai trò quản lí kinh tế của Nhà nước và trách nhiệm của công dân trong việc tham gia phát triển kinh tế gia đình, địa phương, đất nước.

- Biết bản chất, chức năng và vai trò của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Biết được phương hướng, biện pháp cơ bản để thực hiện một số chính sách về văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, đối ngoại, quốc phòng và an ninh của Nhà nước ta.

- Biết bản chất và vai trò của pháp luật đối với sự phát triển của công dân, đất nước, nhân loại; nội dung chủ yếu của quyền bình đẳng, quyền tự do, quyền dân chủ của công dân; trách nhiệm của Nhà nước trong việc đảm bảo và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện các quyền đó.

b) Kỹ năng

- Biết vận dụng kiến thức đã học vào việc phân tích, đánh giá một số hiện tượng tự nhiên, xã hội, tư duy.

- Thực hiện và tuyên truyền, vận động bạn bè, gia đình cùng thực hiện pháp luật và chính sách của Nhà nước.

- Sống và ứng xử phù hợp với các giá trị đạo đức xã hội.

6. Công nghệ

a) Kiến thức

- Hiểu được một số kiến thức phổ thông và cơ bản về trồng trọt, chăn nuôi, bảo quản và chế biến sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp, về tạo lập doanh nghiệp, vẽ kỹ thuật, cơ khí chế tạo, động cơ đốt trong, kỹ thuật điện và điện tử.
- Hiểu được quy trình và kỹ thuật thực hiện một số công việc thuộc các lĩnh vực nêu trên.
- Biết được cách xác định sự phù hợp nghề của bản thân, phương pháp thu thập và xử lý các thông tin cần thiết cho việc chọn nghề.

b) Kỹ năng

- Thực hiện được một số công việc thuộc các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, bảo quản và chế biến sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp, vẽ kỹ thuật, một số thao tác về cơ khí chế tạo, động cơ đốt trong, kỹ thuật điện và điện tử đúng quy trình và đạt yêu cầu về kỹ thuật.
- Làm được một số sản phẩm đơn giản của một nghề phổ thông.
- Xác định được sự phù hợp của năng lực bản thân với yêu cầu của nghề, thu thập và xử lý được những thông tin cơ bản để chọn nghề và chọn được nghề phù hợp.

7. Giáo dục thể chất

a) Kiến thức

- Hiểu được tác dụng của bài tập thể dục thể thao, các yếu tố thiên nhiên và điều kiện vệ sinh đối với việc rèn luyện sức khỏe; biết cách phòng tránh chấn thương khi hoạt động thể dục thể thao và phương pháp tập luyện phát triển sức mạnh. Hiểu chiến thuật, luật thi đấu các môn Đá cầu, Cầu lông và hai môn thể thao tự chọn.

- Biết các đặc điểm sinh lí cơ thể người và mối quan hệ giữa cơ thể với môi trường xung quanh; giải thích được các biện pháp rèn luyện và bảo vệ sức khỏe.

b) Kỹ năng

- Thực hiện cơ bản đúng bài thể dục nhịp điệu (nữ), bài thể dục phát triển chung liên hoàn (nam), chạy ngắn, chạy tiếp sức, chạy bền trên địa hình tự nhiên, nhảy cao kiểu "Năm nghiêng", nhảy xa kiểu "Uốn thân", một số bài tập kỹ thuật các môn Đá cầu, Cầu lông và hai môn thể thao tự chọn để đạt được tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo lứa tuổi và giới tính.

- Biết ăn uống hợp lí, biết cách rèn luyện sức khỏe và thực hiện được các biện pháp phòng chống bệnh tật.

8. Giáo dục quốc phòng và an ninh

a) Kiến thức

Hiểu được một số nội dung tối thiểu, cần thiết về lịch sử, truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc; về nền quốc phòng toàn dân; về Quân đội nhân dân Việt Nam và một số nội dung cơ bản của Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Biên giới quốc gia. Có những kiến thức ban đầu về cách phòng tránh một số loại bom đạn, thiên tai; về cách cấp cứu, chuyển thương và cách phòng chống đơn giản đối với một số loại vũ khí hóa học, vũ khí cháy.

b) Kỹ năng

Thực hành băng bó được một số vết thương đơn giản và xử lí được một số trường hợp cấp cứu các tai nạn thông thường. Bước đầu sử dụng được một số loại vũ khí bộ binh, thực hành bắn tập trúng mục tiêu cố định và động tác ném lựu đạn xa, trúng hướng bảo đảm an toàn. Thực hiện được các động tác cơ bản về đội ngũ không có súng; về các tư thế, động tác vận động cơ bản của người chiến sĩ trong chiến đấu và cách phòng tránh một số loại vũ khí hóa học, vũ khí cháy thông thường.

II. YÊU CẦU VỀ THÁI ĐỘ

Yêu quê hương, Tổ quốc Việt Nam, yêu chủ nghĩa xã hội; tự hào, giữ gìn và phát huy các truyền thống dân tộc, cách mạng, văn hóa, đạo đức,... tốt đẹp của nhân dân ta. Tôn trọng đất nước, con người và các nền văn hóa khác. Tin tưởng và góp phần vào sự phát triển hợp quy luật của lịch sử.

Có ý thức sống theo hiến pháp, pháp luật. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Ủng hộ và thực hiện những thái độ, hành vi tích cực; đấu tranh, phê phán những thái độ, hành vi tiêu cực trong cuộc sống.

Tôn trọng, khoan dung, hòa hợp với mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách có văn hóa.

Tự giác, chăm chỉ, trung thực trong học tập và vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống. Có ý thức lựa chọn nghề nghiệp đúng đắn. Có tính kỉ luật và tác phong công nghiệp trong học tập và lao động. Có ý thức rèn luyện, tự hoàn thiện bản thân để có thể đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Minh Hiền

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Môn Toán

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Môn Toán

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Đổi mới giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc hội là một quá trình đổi mới về nhiều lĩnh vực của giáo dục mà tâm điểm của quá trình này là đổi mới chương trình giáo dục từ Tiểu học tới Trung học phổ thông.

Quá trình triển khai chính thức chương trình giáo dục ở Tiểu học, Trung học cơ sở và thí điểm ở Trung học phổ thông cho thấy có một số vấn đề cần được tiếp tục điều chỉnh để hoàn thiện. Luật Giáo dục năm 2005 đã quy định về chương trình giáo dục phổ thông với cách hiểu đầy đủ và phù hợp với xu thế chung của thế giới. Do vậy, chương trình giáo dục phổ thông cần phải tiếp tục được điều chỉnh để hoàn thiện và tổ chức lại theo quy định của Luật Giáo dục.

Từ tháng 12 năm 2003, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức hoàn thiện bộ Chương trình giáo dục phổ thông với sự tham gia của đông đảo các nhà khoa học, nhà sư phạm, cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên đang giảng dạy tại các nhà trường. Hội đồng Quốc gia thẩm định Chương trình giáo dục phổ thông được thành lập và đã dành nhiều thời gian xem xét, thẩm định các chương trình. Bộ Chương trình giáo dục phổ thông được ban hành lần này là kết quả của sự điều chỉnh, hoàn thiện, tổ chức lại các chương trình đã được ban hành trước đây, làm căn cứ cho việc quản lý, chỉ đạo và tổ chức dạy học ở tất cả các cấp học, trường học trên phạm vi cả nước.

Bộ Chương trình giáo dục phổ thông bao gồm:

1. Những vấn đề chung;
2. Chương trình chuẩn của 23 môn học và hoạt động giáo dục;
3. Chương trình các cấp học: Chương trình Tiểu học, Chương trình Trung học cơ sở, Chương trình Trung học phổ thông.

Đối với 8 môn học có nội dung nâng cao (Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Ngoại ngữ), ngoài chương trình chuẩn còn có chương trình nâng cao của các môn học này ở cấp Trung học phổ thông. Chương trình nâng cao của 8 môn học này được trình bày trong văn bản chương trình cấp Trung học phổ thông.

Nhân dịp này, Bộ Giáo dục và Đào tạo xin trân trọng cảm ơn các nhà khoa học, nhà sư phạm, nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục đã tham gia tích cực vào quá trình biên soạn, hoàn thiện các chương trình. Bộ Giáo dục và Đào tạo xin bày tỏ sự cảm ơn tới các cơ quan, các tổ chức và những cá nhân đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu cho việc hoàn thiện bộ Chương trình giáo dục phổ thông này.

MỤC LỤC

Lời nói đầu.....

I. VỊ TRÍ.....

II. MỤC TIÊU.....

III. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH.....

IV. NỘI DUNG.....

V. GIẢI THÍCH - HƯỚNG DẪN.....

VI. CHUẨN KIẾN THỨC, KỸ NĂNG.....

I. VỊ TRÍ

Môn Toán trong trường phổ thông trang bị cho học sinh những kiến thức toán học phổ thông, cơ bản, hiện đại, rèn luyện các kỹ năng tính toán và phát triển tư duy toán học, góp phần phát triển năng lực giải quyết vấn đề và các năng lực trí tuệ chung, đặc biệt là khả năng phân tích, tổng hợp, trừu tượng hóa, khái quát hóa.

Những kiến thức, kỹ năng và phương pháp toán học là cơ sở để tiếp thu những kiến thức về khoa học và công nghệ, góp phần học tập các môn học khác trong trường phổ thông và vận dụng vào đời sống.

II. MỤC TIÊU

Dạy học môn Toán trong nhà trường phổ thông nhằm giúp học sinh đạt được:

1. Về kiến thức

Những kiến thức cơ bản về:

- Số và các phép tính trên các tập hợp số (từ số tự nhiên đến số phức); các biểu thức đại số và siêu việt (mũ, lôgarit, lượng giác); phương trình (bậc nhất, bậc hai, lượng giác, mũ, lôgarit); hệ phương trình bậc nhất; bất phương trình (bậc nhất, bậc hai, mũ, lôgarit) và hệ bất phương trình bậc nhất;

- Hàm số, giới hạn, đạo hàm, nguyên hàm, tích phân và ứng dụng của chúng;

- Các quan hệ hình học và một số hình thông dụng (điểm, đường thẳng, mặt phẳng, đa giác, hình tròn, elíp, hình đa diện, hình tròn xoay); phép dời hình và phép đồng dạng trong mặt phẳng; vector và tọa độ;

Đại lượng và đo đại lượng;

- Thống kê; tổ hợp; xác suất.

2. Về kĩ năng

Các kĩ năng cơ bản:

- Thực hiện các phép cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa, khai căn, lôgarit;
- Biến đổi các biểu thức đại số, biến đổi lượng giác; giải phương trình, hệ phương trình, bất phương trình, hệ bất phương trình;
- Tính giới hạn, đạo hàm, nguyên hàm, tích phân; xét tính liên tục của hàm số; khảo sát và vẽ đồ thị của hàm số;
- Vẽ hình; vẽ biểu đồ; đo đạc; tính độ dài, góc, diện tích, thể tích. Viết phương trình đường thẳng, đường tròn, đường elíp, mặt phẳng, mặt cầu;
- Thu thập và xử lí số liệu; tính toán về tổ hợp và xác suất;
- Ước lượng kết quả đo đạc và tính toán;
- Sử dụng các công cụ đo, vẽ, tính toán;
- Suy luận và chứng minh;
- Giải toán và vận dụng kiến thức toán học trong học tập và đời sống.

3. Về tư duy

- Khả năng quan sát, dự đoán, suy luận hợp lí và suy luận lôgic;
- Khả năng diễn đạt chính xác, rõ ràng ý tưởng của mình và hiểu được ý tưởng của người khác;
- Phát triển trí tưởng tượng không gian;
- Các phẩm chất tư duy, đặc biệt là tư duy linh hoạt, độc lập và sáng tạo;
- Các thao tác tư duy: so sánh, tương tự, khái quát hóa, đặc biệt hóa.

4. Về tình cảm và thái độ

- Có ý thức tự học, hứng thú và tự tin trong học tập;
- Có đức tính trung thực, cần cù, vượt khó, cẩn thận, chính xác, kỉ luật, sáng tạo;
- Có ý thức hợp tác, trân trọng thành quả lao động của mình và của người khác;
- Nhận biết được vẻ đẹp của toán học và yêu thích môn Toán.

III. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH

Kế thừa và phát huy truyền thống dạy học môn Toán ở Việt Nam, tiếp cận với trình độ giáo dục toán học phổ thông của các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Lựa chọn các kiến thức toán học cơ bản, cập nhật, thiết thực, có hệ thống, theo hướng tinh giản, phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh, thể hiện tính liên môn và tích hợp các nội dung giáo dục, thể hiện vai trò công cụ của môn Toán.

Tăng cường thực hành và vận dụng, thực hiện dạy học toán gắn với thực tiễn.

Tạo điều kiện đẩy mạnh vận dụng các phương pháp dạy học theo hướng tích cực, chủ động, sáng tạo. Rèn luyện cho học sinh khả năng tự học, phát triển năng lực trí tuệ chung.

IV. NỘI DUNG

A. MẠCH NỘI DUNG

Ghi chú. + : Các yếu tố, kiến thức chuẩn bị.

* : Học chính thức

Mạch nội dung	Chủ đề	Lớp											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1. Số học	1.1. Số tự nhiên	*	*	*	*	*	*						
	1.2. Số nguyên						*						
	1.3. Số hữu tỉ												
	- Phân số		+	+	*	*	*						
	- Số thập phân					*	*	*					
	- Số hữu tỉ							*					
	1.4. Số thực							*		*			
	1.5. Số phức												*
2. Đại lượng và đo đại lượng	2.1. Độ dài	*	*	*			*			*	*		
	2.2. Góc			+	+		*	*		*	*	*	
	2.3. Diện tích			+	+	+			*	*	*		*
	2.4. Thể tích					+			*	*			*
	2.5. Khối lượng		*	*	*								
	2.6. Thời gian	*	*	*	*	*							
	2.7. Vận tốc					*						*	
	2.8. Tiền tệ		*	*									
3. Đại số	3.1. Tập hợp						*				*		
	3.2. Mệnh đề										*		
	3.3. Biểu thức đại số			+	+	+		*	*	*	*		
	3.4. Hàm số và đồ thị				+	+	+	*		*	*	*	*
	3.5. Phương trình, hệ phương trình		+	+	+	+	+	+	*	*	*	*	*

Mạch nội dung	Chủ đề	Lớp											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	3.6. Bất đẳng thức, bất phương trình	+	+	+	+	+	+	+	*		*		*
	3.7. Lượng giác									+	*	*	
	3.8. Dãy số, cấp số cộng, cấp số nhân		+	+	+	+	+	+	+			*	
4. Giải tích	4.1. Giới hạn												
	- Giới hạn của dãy số											*	
	- Giới hạn của hàm số											*	
	- Hàm số liên tục											*	
	4.2. Đạo hàm											*	*
	4.3. Nguyên hàm, tích phân												*
5. Hình học	5.1. Các khái niệm hình học mở đầu	+					*						
	5.2. Đại cương về đường thẳng và mặt phẳng		+				*					*	
	5.3. Quan hệ song song												
	- Trong mặt phẳng				+	+		*					
	- Trong không gian								+			*	
	5.4. Quan hệ vuông góc												
	- Trong mặt phẳng				+	+		*					
	- Trong không gian								+			*	
	5.5. Đa giác												
	- Tam giác	+	+	+	+	+	*	*	*	*	*		
	- Tứ giác	+	+	+	+	+			*	*			
	- Đa giác								*				

Mạch nội dung	Chủ đề	Lớp											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	5.6. Đường tròn, hình tròn	+		+		+	*			*			
	5.7. Hình đa diện					+			*			*	*
	5.8. Hình tròn xoay					+				*			*
	5.9. Vector											.	
	- Trong mặt phẳng										*		
	- Trong không gian											*	*
	5.10. Tọa độ												
	- Trong mặt phẳng							+			*		
	- Trong không gian												*
6. Thống kê, tổ hợp, xác suất	5.11. Phép dời hình trong mặt phẳng								+			*	
	5.12. Phép đồng dạng trong mặt phẳng								+			*	
	6.1. Thống kê			+	+	+		*			*		
	6.2. Tổ hợp											*	
	6.3. Xác suất											*	

B. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

TT	Thời lượng	Lớp											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Số phút học mỗi tiết	35	35	35	40	40	45	45	45	45	45	45	45
2	Số tuần học mỗi năm	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35
3	Số tiết học mỗi tuần	4	5	5	5	5	4	4	4	4	3	3,5	3,5
4	Số tiết học mỗi năm	140	175	175	175	175	140	140	140	140	105	122,5	122,5

C. NỘI DUNG DẠY HỌC Ở TỪNG LỚP

LỚP 1

4 tiết/ tuần $\times$ 35 tuần = 140 tiết

Số học	Đại lượng và đo đại lượng	Yếu tố hình học	Giải bài toán có lời văn
1. Các số đến 10. Phép cộng và phép trừ trong phạm vi 10. a) Đếm, đọc, viết, so sánh các số đến 10. b) Bước đầu giới thiệu về phép cộng và phép trừ. c) Bảng cộng và bảng trừ trong phạm vi 10. Số 0 trong phép cộng, phép trừ. 2. Các số đến 100. Phép cộng và phép trừ không nhớ trong phạm vi 100. a) Đếm, đọc, viết, so sánh các số đến 100. Giới thiệu đơn vị, chục; tia số. b) Phép cộng và phép trừ không nhớ trong phạm vi 100. c) Tính giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính cộng, trừ (trong các trường hợp đơn giản).	1. Đơn vị đo độ dài: xăng-ti-mét (cm). Đo và ước lượng độ dài. 2. Tuần lễ, ngày trong tuần. Đọc giờ đúng trên đồng hồ, đọc lịch (loại lịch hằng ngày).	1. Nhận dạng bước đầu về hình vuông; hình tam giác; hình tròn. 2. Giới thiệu về điểm; đoạn thẳng; điểm ở trong và điểm ở ngoài một hình. 3. Thực hành vẽ đoạn thẳng; gấp hình, cắt hình.	1. Giới thiệu bài toán có lời văn. 2. Giải các bài toán bằng một phép cộng hoặc một phép trừ, chủ yếu là các bài toán thêm, bớt một số đơn vị.

LỚP 2

 $5 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 175 \text{ tiết}$

Số học	Đại lượng và đo đại lượng	Yếu tố hình học	Giải bài toán có lời văn
1. Phép cộng và phép trừ có nhớ trong phạm vi 100. a) Tên gọi thành phần và kết quả của mỗi phép tính. b) Bảng cộng và bảng trừ trong phạm vi 20. c) Phép cộng, phép trừ các số có hai chữ số, không nhớ hoặc có nhớ một lượt. Tính nhẩm. d) Tìm một thành phần chưa biết của phép cộng và phép trừ. 2. Các số đến 1000. a) Đọc, viết, so sánh các số. Đơn vị, chục, trăm. b) Phép cộng, phép trừ các số có ba chữ số không nhớ. 3. Phép nhân và phép chia. a) Khái niệm ban đầu về phép nhân, phép chia. Tên gọi các thành phần, kết quả của phép nhân, phép chia. b) Bảng nhân và bảng chia 2, 3, 4, 5. Giới thiệu về $\frac{1}{2}, \frac{1}{3}, \frac{1}{4}, \frac{1}{5}$.	1. Đơn vị đo độ dài: đề-xi-mét (dm), mét (m), ki-lô-mét (km), mi-li-mét (mm). Quan hệ giữa các đơn vị đo. Đo và ước lượng độ dài. 2. Giới thiệu về lít (l). Đong, đo, ước lượng theo lít. 3. Đơn vị đo khối lượng: ki-lô-gam (kg). Cân, ước lượng theo ki-lô-gam. 4. Ngày, giờ, phút. Đọc lịch, xem đồng hồ (khi kim phút chỉ vào số 12, 3, 6). 5. Tiền Việt Nam (trong	1. Giới thiệu về đường thẳng; ba điểm thẳng hàng; đường gấp khúc; hình tứ giác; hình chữ nhật. 2. Tính độ dài đường gấp khúc. Giới thiệu khái niệm chu vi của một hình đơn giản. Tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác. 3. Thực hành vẽ hình, gấp hình.	Giải bài toán bằng một phép tính cộng, trừ, nhân, chia (trong đó có các bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị).

Số học	Đại lượng và đo đại lượng	Yếu tố hình học	Giải bài toán có lời văn
c) Số 1 và số 0 trong phép nhân và phép chia. d) Nhân, chia nhẩm trong phạm vi các bảng tính. e) Tìm thừa số, số bị chia. Tính giá trị biểu thức số có đến hai dấu phép tính (cộng, trừ, nhân, chia).	phạm vi các số đã học). Đổi tiền.		

LỚP 3

5 tiết/ tuần $\times$ 35 tuần = 175 tiết

Số học	Đại lượng và đo đại lượng	Yếu tố hình học	Giải bài toán có lời văn
1. Phép nhân và phép chia trong phạm vi 1000. a) Ứng dụng mở rộng tính cộng, trừ các số có ba chữ số, có nhớ không quá một lần. b) Bảng nhân và bảng chia 6, 7, 8, 9. Hoàn thiện các bảng nhân, chia 2, 3, 4, ..., 9. Giới thiệu về $\frac{1}{6}$, $\frac{1}{7}$, $\frac{1}{8}$, $\frac{1}{9}$. c) Phép nhân số có hai, ba chữ số với số có một chữ số có nhớ không quá một lần. Phép chia số có hai, ba chữ số cho số có một chữ số. Chia hết và chia có dư. Thực hành tính nhẩm (dựa vào các bảng tính đã học).	1. Đơn vị đo độ dài: đề-ca-mét (dam), héc-tô-mét (hm). Bảng đơn vị đo độ dài. Đo và ước lượng độ dài. 2. Đơn vị đo khối lượng: gam (g). Quan	1. Giới thiệu góc vuông và góc không vuông; tâm, bán kính và đường kính của hình tròn. 2. Tính chu vi hình chữ nhật, hình vuông.	1. Giải các bài toán có đến 2 bước tính với các mối quan hệ trực tiếp và đơn giản (so sánh hai số hơn kém nhau một số đơn vị; so sánh số

Số học	Đại lượng và đo đại lượng	Yếu tố hình học	Giải bài toán có lời văn
d) Làm quen với biểu thức và giá trị biểu thức. Thực hành tính giá trị các biểu thức số có đến hai dấu phép tính, có hoặc không có dấu ngoặc. e) Tìm số chia chưa biết. 2. Các số đến 10 000 và các số đến 100 000. a) Đọc, viết, so sánh các số. Các hàng đơn vị, chục, trăm, nghìn, chục nghìn. b) Phép cộng và phép trừ có nhớ không liên tiếp và không quá hai lần, trong phạm vi 10 000 và 100 000. Phép nhân số có đến bốn hoặc năm chữ số với số có một chữ số có nhớ không liên tiếp và không quá hai lần, tích không quá 100 000. Phép chia số có đến năm chữ số cho số có một chữ số, chia hết hoặc chia có dư. c) Giới thiệu bảng số liệu thông kê đơn giản. Làm quen với chữ số La Mã.	hệ giữa kg và g. Thực hành cân. 3. Đơn vị đo diện tích: xăng-ti-mét vuông (cm^2). 4. Ngày, tháng, năm. Xem lịch, xem đồng hồ (chính xác đến phút). 5. Giới thiệu tiếp về tiền Việt Nam.	Giới thiệu diện tích của một hình. Tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông. 3. Vẽ góc vuông bằng thước thẳng và ê ke. Vẽ đường tròn bằng compa.	lớn gấp mấy lần số bé, số bé bằng một phần mấy số lớn; gấp hoặc giảm một số lần). 2. Giải các bài toán liên quan đến rút về đơn vị và các bài toán có nội dung hình học.



LỚP 4

5 tiết/ tuần $\times$ 35 tuần = 175 tiết

Số 33 ngày 12 - 8 - 2006
Số 34 ngày 12 - 8 - 2006

www.ThuVienPhanPhat.com

CÔNG BẢO

199352690

199352690

135

Số học	Đại lượng và đo đại lượng	Yếu tố hình học	Giải bài toán có lời văn
1. Số tự nhiên. Các phép tính về số tự nhiên. a) Lớp triệu. Đọc, viết, so sánh các số đến lớp triệu. Giới thiệu số tỉ. Hệ thống hóa về số tự nhiên và hệ thập phân. b) - Phép cộng và phép trừ các số có đến sáu chữ số, có nhớ không quá ba lượt. Tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng các số tự nhiên. - Phép nhân các số có nhiều chữ số với số có không quá ba chữ số, tích có không quá sáu chữ số. Tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân các số tự nhiên. Nhân một tổng với một số. - Phép chia các số có nhiều chữ số cho số có không quá ba chữ số, thương có không quá bốn chữ số (chia hết hoặc chia có dư). c) Dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9. d) Tính giá trị của các biểu thức số có đến ba dấu phép tính. Tính giá trị của biểu thức chứa chữ dạng $a + b$; $a - b$; $a \times b$; $a : b$; $a + b + c$; $a \times b \times c$; $(a + b) \times c$. Giải	1. Đơn vị đo khối lượng: tạ, tấn, đề-ca-gam (dag), héc-tô-gam (hg). Bảng đơn vị đo khối lượng. 2. Giấy, thẻ ki. Hệ thống hóa các đơn vị đo thời gian.	1. Góc nhọn, góc tù, góc bẹt. Giới thiệu hai đường thẳng cắt nhau, vuông góc với nhau, song song với nhau. Giới thiệu về hình bình hành và hình thoi. 2. Tính diện tích hình bình hành, hình thoi. 3. Thực hành vẽ hình bằng thước thẳng và ê ke; cắt, ghép, gấp hình.	1. Giải các bài toán có đến hai hoặc ba bước tính, có sử dụng phân số. 2. Giải các bài toán liên quan đến: Tìm hai số biết tổng (hoặc hiệu) và tỉ số của chúng; tìm hai số biết tổng và hiệu của chúng; tìm số trung bình cộng; tìm phân số của một số; các nội dung hình học đã học.

Số học	Đại lượng và đo đại lượng	Yếu tố hình học	Giải bài toán có lời văn
các bài tập dạng: “Tìm x biết $x < a$; $a < x < b$” với a, b là các số bé. 2. Phân số. Các phép tính về phân số. a) Khái niệm ban đầu về phân số. Đọc, viết các phân số; phân số bằng nhau; rút gọn phân số; quy đồng mẫu số hai phân số; so sánh hai phân số. b) Phép cộng, phép trừ hai phân số có cùng hoặc không cùng mẫu số (trường hợp đơn giản, mẫu số của tổng hoặc hiệu không quá 100). Tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng các phân số. c) Giới thiệu quy tắc nhân phân số với phân số, nhân phân số với số tự nhiên (mẫu số của tích không vượt quá 100). Giới thiệu tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân các phân số, nhân một tổng hai phân số với một phân số. d) Giới thiệu quy tắc chia phân số cho phân số, chia phân số cho số tự nhiên khác 0. e) Thực hành tính nhẩm về phân số trong một số trường hợp đơn giản. Tính giá trị của các biểu thức có không quá ba dấu phép tính với các phân số đơn giản.			

Số học	Đại lượng và đo đại lượng	Yếu tố hình học	Giải bài toán có lời văn
g) Tìm thành phần chưa biết trong phép tính. 3. Tỉ số. a) Khái niệm ban đầu về tỉ số. b) Giới thiệu về tỉ lệ bản đồ và một số ứng dụng của tỉ lệ bản đồ. 4. Một số yếu tố thống kê: Giới thiệu số trung bình cộng; biểu đồ; biểu đồ cột.			

LỚP 5

$$5 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 175 \text{ tiết}$$

Số học	Đại lượng và đo đại lượng	Yếu tố hình học	Giải bài toán có lời văn
1. Bổ sung về phân số thập phân, hỗn số. Một số dạng bài toán về “quan hệ tỉ lệ”. 2. Số thập phân. Các phép tính về số thập phân. a) Khái niệm ban đầu về số thập phân. Đọc, viết, so sánh các số thập phân. Viết và chuyển đổi các số đo đại lượng dưới dạng số thập phân.	1. Cộng, trừ, nhân, chia số đo thời gian. 2. Vận tốc. Quan hệ giữa vận tốc, thời gian chuyển động và quãng đường đi được.	1. Giới thiệu hình hộp chữ nhật; hình lập phương; hình trụ; hình cầu. 2. Tính diện tích hình tam giác và	Giải các bài toán có đến bốn bước tính, trong đó có các bài toán đơn giản về quan hệ tỉ lệ; tỉ số phần trăm;

Số học	Đại lượng và đo đại lượng	Yếu tố hình học	Giải bài toán có lời văn
b) Phép cộng và phép trừ các số thập phân có đến ba chữ số ở phần thập phân, có nhớ không quá ba lần. Phép nhân các số thập phân có tới ba tích riêng và phần thập phân của tích có không quá ba chữ số. Phép chia các số thập phân, trong đó số chia có không quá ba chữ số (cả phần nguyên và phần thập phân), thương có không quá bốn chữ số, với phần thập phân của thương có không quá ba chữ số. Tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng và phép nhân, nhân một tổng với một số. Thực hành tính nhẩm trong một số trường hợp đơn giản. Tính giá trị biểu thức số thập phân có không quá ba dấu phép tính. c) Giới thiệu bước đầu về cách sử dụng máy tính bỏ túi. 3. Tỉ số phần trăm. a) Khái niệm ban đầu về tỉ số phần trăm. b) Đọc, viết tỉ số phần trăm. c) Cộng, trừ các tỉ số phần trăm; nhân, chia tỉ số phần trăm với một số tự nhiên khác 0.	3. Đơn vị đo diện tích: đề-ca-mét vuông (dam^2), héc-tô-mét vuông (hm^2), mi-li-mét vuông (mm^2); bảng đơn vị đo diện tích. ha. Quan hệ giữa m^2 và ha. 4. Đơn vị đo thể tích: xăng-ti-mét khối (cm^3), đề-xi-mét khối (dm^3), mét khối (m^3).	hình thang. Tính chu vi và diện tích hình tròn. Tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.	các bài toán đơn giản về chuyển động đều; các bài toán ứng dụng các kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề của đời sống; các bài toán có nội dung hình học.

Số học	Đại lượng và đo đại lượng	Yếu tố hình học	Giải bài toán có lời văn
d) Mối quan hệ giữa tỉ số phần trăm với phân số thập phân, số thập phân và phân số. 4. Một số yếu tố thống kê: Giới thiệu biểu đồ hình quạt.			

LỚP 6

$$4 \text{ tiết/ tuần} \times 35 \text{ tuần} = 140 \text{ tiết}$$

Số học	Hình học
1. Ôn tập và bổ túc về số tự nhiên Giới thiệu tập hợp, phần tử của tập hợp. Các kí hiệu $\in$, $\notin$, $\subset$, $\supset$, $\emptyset$. Hệ thập phân. Các chữ số và số La Mã hay dùng. Phép cộng và nhân, các tính chất cơ bản. Phép trừ (điều kiện thực hiện) và phép chia (chia hết và chia có dư). Lũy thừa, nhân và chia hai lũy thừa có cùng cơ số. Tính chất chia hết của một tổng. Các dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 3; 9. Ước và bội. Số nguyên tố, hợp số. ƯCLN, BCNN. 2. Tập hợp $\mathbb{Z}$. Biểu diễn các số nguyên trên trục số. Thứ tự trong $\mathbb{Z}$. Giá trị tuyệt đối. Các phép tính cộng, trừ, nhân trong $\mathbb{Z}$ và các tính chất cơ bản. Bội và ước của một số nguyên. 3. Phân số $\frac{a}{b}$ với $a \in \mathbb{Z}$, $b \in \mathbb{Z}$ ($b \neq 0$). Các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số và các tính chất cơ bản. Hỗn số. Số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm. Biểu đồ phần trăm. Ba bài toán cơ bản về phân số.	1. Điểm. Đường thẳng. Ba điểm thẳng hàng. Đường thẳng đi qua hai điểm. Tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. Trung điểm của đoạn thẳng. 2. Nửa mặt phẳng. Góc. Số đo góc. Tia phân giác của một góc. Đường tròn. Tam giác.

LỚP 7

4 tiết/tuần $\times$ 35 tuần = 140 tiết

Đại số	Hình học	Thống kê
1. Tập hợp $\mathbb{Q}$. Biểu diễn số hữu tỉ trên trục số. So sánh các số hữu tỉ. Cộng, trừ, nhân, chia trong $\mathbb{Q}$. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ. Tỷ lệ thức, dãy tỉ số bằng nhau. Số thập phân hữu hạn và vô hạn tuần hoàn. Làm tròn số. Căn bậc hai, số vô tỉ (số thập phân vô hạn không tuần hoàn). Số thực. Biểu diễn số thực trên trục số và so sánh các số thực. 2. Đại lượng tỉ lệ thuận, đại lượng tỉ lệ nghịch. Định nghĩa hàm số. Mặt phẳng tọa độ. Đồ thị của các hàm số $y = ax$ ($a \neq 0$) và $y = \frac{a}{x}$ ($a \neq 0$). 3. Biểu thức đại số. Giá trị của một biểu thức đại số. Đơn thức, bậc của đơn thức, đơn thức đồng dạng. Đa thức nhiều biến. Cộng, trừ đa thức. Đa thức một biến. Nghiệm của đa thức một biến.	1. Hai góc đối đỉnh. Hai đường thẳng vuông góc. Hai đường thẳng song song. Tiên đề Ô-clit về đường thẳng song song. Khái niệm định lí, chứng minh một định lí. 2. Tổng ba góc của một tam giác. Hai tam giác bằng nhau. Ba trường hợp bằng nhau của tam giác. Tam giác cân. Tam giác vuông. Định lí Py-ta-go (thuận và đảo). Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông. Thực hành ngoài trời (đo khoảng cách). 3. Quan hệ giữa góc và cạnh trong một tam giác. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên, giữa đường xiên và hình chiếu của nó. Bất đẳng thức tam giác. Các đường đồng quy của tam giác (ba đường phân giác, ba đường trung trực, ba đường trung tuyến, ba đường cao).	Ý nghĩa của việc thống kê. Thu thập số liệu thống kê. Tần số. Bảng phân phối thực nghiệm. Biểu đồ. Số trung bình. Một của bảng số liệu.

LỚP 8

4 tiết/ tuần $\times$ 35 tuần = 140 tiết

Đại số	Hình học
1. Nhân và chia đơn thức, đa thức. Bảy hằng đẳng thức đáng nhớ. Một số phương pháp thường dùng để phân tích đa thức thành nhân tử. 2. Phân thức đại số: Định nghĩa, tính chất, các phép tính. Biến đổi các biểu thức hữu tỉ. 3. Khái niệm phương trình một ẩn, phương trình tương đương. Cách giải phương trình bậc nhất một ẩn. Phương trình tích. Phương trình chứa ẩn ở mẫu thức. Giải bài toán bằng cách lập phương trình bậc nhất một ẩn. 4. Khái niệm bất đẳng thức, bất phương trình một ẩn, bất phương trình tương đương. Bất phương trình bậc nhất một ẩn. Phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối.	1. Tứ giác lồi. Hình thang. Hình thang cân. Bài toán dựng hình đơn giản. Đối xứng trục. Hình bình hành. Đối xứng tâm. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình vuông. 2. Đa giác. Đa giác đều. Diện tích: hình chữ nhật, tam giác, hình thang, hình bình hành, tứ giác có hai đường chéo vuông góc, đa giác. 3. Định lí Ta-lét trong tam giác. Các trường hợp đồng dạng của tam giác và tam giác vuông. Ứng dụng thực tế của tam giác đồng dạng. 4. Hình lăng trụ đứng. Hình hộp chữ nhật. Hình chóp đều, hình chóp cụt đều. Diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích của các hình đó.

LỚP 9

4 tiết/ tuần $\times$ 35 tuần = 140 tiết

Đại số	Hình học
1. Căn bậc hai: Định nghĩa, kí hiệu, điều kiện tồn tại, hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = A$. Khai phương một tích. Nhân các căn	1. Hệ thức lượng trong tam giác vuông. Tỷ số lượng giác của góc nhọn. Bảng lượng giác. Hệ thức giữa các cạnh